

SỐ 1812

THIÊN THAI BỒ-TÁT GIỚI SỚ

*Sa-môn Minh Khoáng ở Thiên thai san bổ.
(Thảo Thư Diệt Pháp truyền giả Tu Chân)*

QUYỂN THƯỢNG

Phật tánh thường trụ, giáo khởi từ các duyên khác nhau, nên nghĩa có rộng, lược. Hoặc dẫn các chú thích để hiển bày khác nhau, hoặc phá những kinh nghiệm không đầy đủ từ trước đến nay, hoặc dẫn những câu văn hay để tô điểm chỗ thiếu sót, hoặc giữ chất đại chủng thành sâu xa. Tất cả những việc đó đều đều làm sáng tỏ giáo chỉ.

Nay tôi tùy chỗ, loại bỏ những câu văn trái với bậc tiên kiến, dùng tông Tông Thiên Thai làm chính, vì duyên đầy đủ của Thiên cung, tham cứu các nhà để bổ khuyết, giải thích, mục đích giúp thêm cho bản văn được đầy đủ, nhưng vẫn lo ngại còn thiếu sót, nên không dám thổ lộ với người. Bỗng tiết lộ duyên thấy nghe đến, may mắn thay biết được nguyên ý. Giới Bồ-tát vận chuyển việc lành trước, tức vòng ngoài của việc ác, hạnh Thanh văn nhỏ hẹp mà còn quý trọng Ba La-đề-mộc-xoa, huống chi bậc Đại sĩ mang hoài bão lớn lẽ nào không tinh chuyên giới phẩm hay sao? nên được thế giới Liên Hoa tạc treo trời trăng soi đến cây. Bồ-đề mở cửa cam lộ để cứu giúp. Ngàn hoa ngàn Trăm Ưc-Lô-Xá-Na là bản thân. Mười giới trọng, 48 giới khinh Đức Thích-ca là mặt hóa. Không thể nói pháp môn Tâm Địa chừng đầu sợi lông. Nêu thân hoa không thể nghĩ bàn ở đỉnh của cửa Sắc giới. Nơi đó, các Bồ-tát Viên giáo và Biệt giáo đồng tu. Tám muôn oai nghi Thánh hiền đồng tu, huống chi Hàng sa giới phẩm, tất cả được tóm thu trong Ba nhóm tịnh giới, gồm cả sáu độ, như mảnh lưới của Nhân-đà-la không đồng mà đồng, biển Tát-Bà-Nhã khác mà chẳng khác, giống như mưa báu rưới khắp nhân gian. Như chuỗi anh lạc để trang sức thân, công đức thành Diệu giác. Ở đó năm giai vị Bồ-tát đều dựa vào viên nhân này. Như lai Ba đời đều từ giới đó mà được quả mãn. Giới Bồ-tát này là con đường

thăng của đạo tràng, chỉ là khuôn phép lớn thành Chánh giác, rất khó nói được thay. Tựa đề là Phạm Võng Kinh Lô-Xá-Na Phật Thuyết Bồ-tát Tâm Địa

I. THẬP TRỌNG, TỬ THẬP BÁT KHINH GIỚI

Phẩm Đệ Thập, “Phạm” là từ người đương thế thanh tịnh mà đặt tên, “Võng” thì dụ rõ ràng công năng lập hiệu. Nghĩa là chư Phật đối cơ để lập giáo, thuốc bệnh nhiều mối như màn lưới của vua trời Đại Phạm, nên gọi là “Phạm Võng”. “Kinh” nghĩa là kinh giáo, giải thích phân biệt Phật tánh thường trụ nên gọi là Kinh, “Lô-Xá-Na”, Kinh Bảo Lương dịch là Tịnh Mãn. Ba hoặc dứt sạch nên gọi là Tịnh. Muôn đức đều tròn đầy, nên gọi là Mãn. Trí Tịnh Mãn tự giác giác tha nên gọi là Phật. Tám âm tuôn ra gọi là nói? “Bồ-tát” v.v.....Đại sĩ ở nhân vị trước của diệu giác khuôn phép của giới pháp này, cho nên nêu Bồ-tát. Luật nghi Bồ-tát ngăn ngừa ba nghiệp tâm ý làm chính, nêu một nhiếp tất cả. Như quả đất bao trùm cả muôn vật nên gọi là Tâm địa. “mười trọng” v.v..... là phân biệt pháp khác người. Pháp cấm tuy nhiều nhưng không ngoài hai thứ khinh và trọng, nên nói giới phẩm mười trọng, bốn tám khinh.

Pháp La-thập sư đã trình bày pháp tướng xuất xứ từ phẩm Luật Tạng trong kinh Phạm Võng,. Phạm Võng Đại Bản có 152 quyển, 61 phẩm. Chỉ có phẩm thứ chín hoàn toàn nói về Bồ-tát Tạng Tâm địa Khinh Trọng luật Nghi Giai Vị khác nhau. Một phẩm có hai quyển. Đây là quyển 10. Gọi là Phạm Võng Kinh Lô-Xá-Na Phật Thuyết Bồ-tát Tâm Địa Giới Phẩm Thập Trọng Tử Thập Bát Khinh Đệ Thập.

Giải thích kinh này thành bảy môn khác nhau.

- 1- Danh thể.
- 2- Tông dụng
- 3- Thuộc về giáo nào.
- 4- Thọ pháp.
- 5- Truyền dịch.
- 6- Lược phân biệt.
- 7- Tùy văn giải thích.

1/ Danh thể có hai: Giải thích danh và nêu thể.

Giải thích danh là một chữ Giới. Hán dịch âm tiếng Phạn là Thi-la, cũng gọi là Tỳ-ni-Ba-la-đề-mộc-xoa, Hán dịch là Thanh lương, diệt lỗi của ba hoặc giữ được giải thoát.

Nay nói có công năng ngăn ngừa ba nghiệp, dứt ba hoặc quấy nên đặt tên là Giới. Đại khái không ngoài bốn thệ nguyện và Ba nhóm tịnh giới, thành tựu đạo pháp, tức là giới Nhiếp Thiện Pháp. Thệ nguyện dứt trừ phiền não, tức là Giới Nhiếp Luật Nghi. Nguyện độ chúng sinh, tức giới Nhiếp Chúng Sinh. Huống chi mỗi thệ nguyện đầy đủ ba nhóm, mỗi nhóm có đủ ba tâm, như giữ giới Không sát sinh thì các nghiệp chấm dứt, giới thể đều thanh tịnh, tức là “giới Nhiếp Luật Nghi, đây là nhân của Pháp thân, quy định làm các việc lành, biết pháp, chứng chân, cảm báo tồn tại tức là ”Nhiếp Thiện Pháp”, đây là nhân của Báo thân. Dứt việc ác, làm việc lành, lấy từ bi làm căn bản, lợi ích cho chúng sinh tức là ”Nhiếp Chúng Sinh, đây là nhân của Ứng thân. Theo Luận Đại Trí Độ thì Ba nhóm tịnh giới có mười nghĩa:

1. Không thiếu: nghĩa là giữ đủ mười giới tánh thiện cho đến mười giới trọng, nếu hủy phá thì không được thọ dụng.
2. “Không vỡ”:
3. “Không thủng”: tức 48 giới khinh, nếu hủy phạm tức như đồ đựng bị sứt mẻ, thủng chảy.
4. “Không lìa niệm”, tức dục niệm không khởi
5. Tùy đạo.
6. Không đấm: nghĩa là thấy được lý Chân Đế, lìa hoặc Kiến Tư trong ba cõi.
7. Được người hiểu biết khen ngợi.
8. Tự tại. Đây là đứng về Bồ-tát lợi tha được người hiểu biết khen ngợi.
9. Tùy định.
10. Đầy đủ.

Về chứng thiên Thủ-lăng-nghiêm Trung đạo, không khởi Diệt định hiện oai nghi, thị hiện thân tùy loại mà giáo hóa chúng sinh trong ba cõi. Mười giới trọng này ngăn cấm ba nghiệp, được gọi chung là Giới, làm thuyên bề chở thân tâm đến bờ Niết-bàn lại gọi là Thừa. Thừa có năm bậc khác nhau như: người, trời, Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát. Nay trì giới là đứng về Sự để đạt lý. Một sát na tâm đủ mười giới. Sự trì là bốn nhân duyên (không thiếu, không phá, không thủng và không lìa niệm) là cảnh. Lý trì là sáu nhân duyên (Tùy đạo, không đấm, được người, Trí khen ngợi, Tự tại, Tùy định và Cụ túc) rõ cảnh Trung đạo Phật tánh thường trụ. Thể chỉ có một, tâm gồm đủ phàm, thánh, y báo, chánh báo, nhân quả. Tuy có mà không, đó là pháp giới, gọi là Quán, tức là một tâm ba quán. Không là Không quán, quán tánh chân đế, nắm

giữ hai giới: Tỳ Đạo và không đấm. “Cụ” tức là giả quán, quán tánh Tục đế, giữ hai giới “Trí thắng” và “Tự tại”, pháp giới Phật tánh tức là Trung quán, quán tánh Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Giữ hai giới “Tỳ Định và Cụ Túc, nên Trung Luận nói rằng:”

Pháp do Nhân duyên sinh

Ta nói tức là không

Cũng gọi là giả danh

Cũng gọi nghĩa Trung Đạo

Cảnh trí đều do một tâm năng sở, một mà chẳng phải một, thì mười nhân duyên nói trên cũng giống như vậy, tức đứng về danh tự quán hạnh vị, đều giữ mười giới gọi là Bồ-tát.

b) Nêu ra thể:

Ban đầu phát viên tâm theo thầy xin thọ, giới tác động trên

thân, miệng, ý gọi là tác giới, sắc tâm làm nghiệp thể. Ba lần yết-ma xong nạp pháp nhớ giữ. Tác giới đã dừng, dụng vẫn còn tiếp diễn ở vị lai, gọi là giới Vô tác. Chỉ có thật tướng tâm lấy đó làm Thể, nên Kinh Anh Lạc nói rằng: ” giới của Tất cả phàm thánh đều lấy Tâm làm thể. Tâm vô tận nên giới cũng vô tận. Các kinh Đại thừa không có nhóm thứ ba, khác với nhóm Phi sắc phi tâm của luật nghi Thanh văn cho là giới thể.

2. Tông dụng. Có 2 loại: Tông và Thể.

“Tông” là thiết yếu, là đi đến, trước sau đều nương theo mà giữ gìn, mong muốn đến Viên quả.

Gọi là “Tông,” Dụng”, thân mang Thánh pháp, đức tốt sáng rực bên ngoài. Oai nghi rất trang nghiêm, mẫu mực cung kính đáng sợ. Ba hoặc nghiệp đã dứt sạch khiến chúng sinh kính tin quy về, nên gọi là “Dụng”.

3. Thuộc về giáo nào:

Đức Thích tôn một đời giáo hóa, hiện thân nói pháp có trước có sau. Bốn thứ khác nhau, nghĩa là Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo. Ba tạng là Câu-Xa, Tỳ-Bà-Sa, và giai vị bảy hiền của Thanh văn bảy thánh khác nhau. Duyên giác khác nhau ở chỗ có gặp Phật hay không. Bồ-tát thì Ba A-tăng kỳ trăm kiếp tu nhân tướng tốt, đều đồng học ba tạng Tỳ-ni, Tỳ-đàm, Tu-đa-la, cho đến dưới gốc Bồ-đề một niệm tương ứng, 34 tâm dứt hoặc Kiến, tư trong bab cõi.

Việc tu học chấm dứt gọi là Phật. Đồng với tăng Bồ-tát luật nghi

Bồ-tát. Nên Kinh Pháp Hoa nói: Không gầy gũ người học ba tạng Tiểu thừa mà được gọi là Ba tạng. Tức nêu ứng thân ở vườn nui thị hiện thành kim dung một trượng sáu, cho đến trong hội Phương Đăng, hàng Tiểu cơ thấy tượng Tỳ-kheo là Phật.

Thông giáo như Phương Đăng, Bát-nhã nói Ba thừa cùng thực hành mười Địa:

1. Càn tuệ địa (nội phàm)
2. Tánh địa (ngoại phàm)
3. Tám nhân địa.
4. Kiến địa (Không ngoài quán và dứt kiến hoặc, bằng với sơ quả của Ba tạng)
5. Bạc địa: (ba người đồng dứt sáu phẩm Tư hoặc trong cõi Dục, hai quả đồng)
6. Ly dục địa: (dứt chín phẩm tư hoặc trong cõi Dục đồng với ba quả của Ba tạng)
7. Dĩ biện địa: (dứt hết hoặc Kiến tư, đồng với La-hán của Ba tạng.)
8. Bích-Chi Phật địa (phước đức sâu dùm, có khả năng xâm tập)
9. Bồ-tát địa (từ Không ra Giả, xâm tập khí Tiểu thừa và các pháp giới nội, vô tri học Phật, mười lực v.v....)
10. Phật địa (Một niệm tương ứng tập khí dứt sạch, ngang với Phật của ba tạng).

Trước Thập Địa không có tên Trụ, Hạnh, Hưởng, sau không có giai vị Đăng Giác, Diệu giác. Ba bậc nhân quả phần lớn đồng nhau, gọi là Thông Giáo. Thị hiện ứng thân tốt đẹp uy nghiêm đường đường như mặt trăng trong các vì sao. Tức chung với tướng Phật. Bồ-tát cũng đồng với luật nghi của Thanh văn.

- Biệt giáo: như Kinh Anh Lạc, Nhân Vương nói về 52 giác vị. Địa tiền thuộc về phàm gọi là Hiền, Đăng địa thuộc về Thánh, hoặc gọi là Thất địa nhập Vô công dụng. Thập Tín chột tiến chột lùi, gọi là ngoại phàm. Thập Trụ vào “Không” mà dứt Kiến Lư và dứt trần sát na thượng phẩm của giới ngoại. Thập Hạnh ra khỏi “Giả” dứt Trần sa Trung phẩm. Biết khắp thuốc bệnh của bốn giáo, mười giới. Thập Hồi hưởng dứt Trần sa hạ Phẩm. Sau quay về bên trong tu phục vô minh giới ngoại. Một phần thô lạc thì nhập vào sơ địa. Tám tướng thành đạo, nhân quả số kiếp xa xôi không thể lường, quán hạnh trải qua, khác trước khác sau. Nên gọi là Biệt, thị hiện thành Báo thân, tức là tướng ấy.

- Viên giáo là viên tín, ba chương tức là ba đức, báo chương là

Pháp thân. Phiền não là Bát-nhã. Kết nghiệp tức giải thoát, y theo Tín khởi hành. Ba quán viên tu, sát na không Dục đó là:

1. Phẩm Tùy Hỷ.
2. Thọ trì đọc tụng
3. Giảng nói sao chép
4. Tu cả sáu độ
5. Thực hành đủ sáu Độ, giống như Kinh Pháp Hoa.

Đệ tử Năm phẩm này hàng phục hết vô minh, tức địa vị ngoại phạm ở giai. Vị Thập Tín Kiến Tư hết trước, nên “Kinh Nhân Vương” nói “Bồ-tát tu mười điều lành phát đại tâm lâu dài trong biển khổ của ba cõi, tức giai vị Nội phạm, ngang với Thập Trụ của Biệt giáo và Phật của Tạng thông. Sau Thập Tín, tâm phá một phẩm vô minh ở giới ngoại. Sơ trụ vị trước thành tám tướng. Như Kinh Hoa Nghiêm đã phân biệt, đồng với công dụng sơ địa của Biệt giáo, trước sau gồm phá 42 phẩm vô minh giới ngoại mới thành Diệu Giác. Biệt nhưng không biệt, lý mâu không hai, nên gọi là Viên. Thượng căn nhất sinh nghĩa là vào Sơ Trụ. Bốn giáo này đứng về năm thời có nhiều có ít. Hoa Nghiêm Viên giáo gồm có Biệt, vườn Nai chỉ Tạng. Phương Đẳng đối với Bán mà nói Mãn, bốn giáo đầy đủ. Các bộ Bát-nhã mang Bán nối Mãn. Ba giáo: Thông, Biệt, Viên. Nay giới kinh này kết hội Hoa Nghiêm, tức Biệt giáo, Viên giáo khinh trọng đốn chế Bồ-tát Luật Nghi. Kinh Pháp Hoa chính là nói ý Phật. Bồ phương tiện quy về thật, chỉ một Viên thừa. Nhân pháp đều khai, y chánh không hai. Nên nói: ta thường ở thế giới Ta-bà này, việc làm của các thầy là đạo Bồ-tát. Năm vị Phật đều khiến tất cả chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Niết-bàn tuy nói bốn giáo là dứt quyền phô luật bàn thường. Mỗi mỗi đều nghe Phật tánh, nên hai kinh đồng vị, đều ví như đề hồ. Nay theo ý Phật giải thích Viên giáo.

4. Nói về người thọ pháp. Chỉ y theo các văn của Kinh Anh Lạc Địa Trì bản Cao Xương gồm có 12 môn khác nhau:

1. Khai ngộ
2. Ba quy y
3. Thỉnh sư
4. Sám hối
5. Phát tâm
6. Hiện tướng hỏi già nạn
7. Truyền giới
8. Chứng minh

9. Hiện tướng
10. Trình bày Trì Phạm
11. Nguyên rộng.
12. Dạy trì giới.

l. Khai ngộ: Xét giới đức khó lường, công cao như muôn tượng, là khuôn phép của chín thừa, là thuyền bè chuyên chở Tam bảo, nên kinh nói: “Tất cả chúng sinh nhờ giới mà có. Nên Kinh Tát-giá-ni-Kiền tử nói: “Nếu người không giữ giới thì thân ở nơi hoang vắng còn không được, huống chi thân công đức. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giới là căn bản của Vô Thượng Bồ-đề, nên phải giữ giới cấm đầy đủ. Kinh Niết-bàn nói: “Nếu trì kinh này mà không giữ giới, thì gọi là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử ta, ta cũng không cho thọ trì kinh này. Còn Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: “Tuy có sắc tộc và học rộng, nhưng nếu không có giới trí thì dụ như loài cầm thú. Dù ở vị trí thấp hèn, ít nghe thấy nhưng có thể trì tịnh giới thì cũng được gọi là Thắng sĩ. Cụ giới có nhiều đường. Đủ năm giới, tám giới, mười giới, giới cụ túc khắc luận công báo, tùy theo tâm người thọ. Nay giới Bồ-tát quả báo là viên thành quả Phật, tướng tốt vô biên. Tất cả công đức! Ba đạt, Năm nhãn, mười lực, Vô úy, đã phát đại tâm tức Thượng phẩm tâm, thọ giới Bồ-tát. Bồ-tát có 51 giai vị, luật nghi của Bồ-tát thừa thuộc về Viên giáo. Cho nên kinh nói rằng: “Người ở biên địa, Trung quốc hoặc nhân hay phi nhân, hiểu hết được lời của Pháp sư truyền giới đều được thọ. Mỗi người phải chánh tín phát tâm chí thành, Chư Phật viên chứng rốt ráo đủ bốn đức thì ở Thường Tịch Quang. Đối với pháp thân địa khởi lòng từ vô duyên, nhớ nghĩ chúng sinh như con đỏ. Chúng ta thường ngày dùng sự ngu tối đâu thể biết được. Ba cõi luân hồi, bốn loài chìm đắm, chỉ có bậc Viên diệu giác biết được cùng tận vô minh, nên phát viên tâm mà mong cầu viên hạnh. Biết nhân cảm quả, cảnh giác thường tình, nên gọi là khai ngộ. Phần khai ngộ xong.

2. *Quy y Tam bảo*, nói lược về ba loại Tam bảo được quy y:

- Trụ trì,
- Biệt tướng,
- Nhất thể.

- *Trụ trì Tam bảo:* Là người có khả năng mở mang đạo truyền bá muôn đời. Đạo được người mở mang thì Tam Bảo mới thường trụ ở đời. Cạo tóc, mặc áo nhuộm là Tăng bảo, tượng đúc bằng đất, gỗ, là Phật bảo.

- *Biệt tướng Tam bảo:* Mười phương ba đời pháp Báo Ứng, Hóa là

Phật bảo. Pháp môn được nói là pháp bảo, trừ Diệu Giác ra thì Bồ-tát và Nhị thừa là Tăng bảo.

- *Nhất thể Tam bảo*: Nhất thể Tam bảo là Thật tướng viên lý gọi là nhất thể. Tức một mà ba đều là Bí tạng, như vật châu báu, quý lạ của thế gian nên gọi chung là Bảo. Vì sao? Vì tâm thể giác biết gọi là Phật, tánh thể lìa niệm gọi là Pháp, tâm thể không tranh cãi là Tăng. Phàm thánh trước sau đầy đủ ba thứ này. Phật đã tu đã chứng ứng vật hiện hình. Biệt tướng trụ trì công phu từ một thể. Lẽ ra chúng ta phải như thế, như băng ở trong nước, nếu muốn nước thành băng thì phải dùng phương tiện. Muốn đến quả Phật mà không tu thì không thành. Nay mới biết Tam bảo là chỗ quy y đúng hướng.

Dạy đệ tử ... nguyện từ đời này cho đến tận bờ mé đời vị lai, quy y Phật lưỡng túc tôn. Quy y Pháp ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn (nói 3 lần)

Đệ tử ... nguyện từ đời nay cho đến tận cùng bờ mé đời vị lai, quy y Phật rồi, quy y pháp rồi, quy y Tăng rồi (nói ba lần). Từ nay làm đệ tử Phật rồi, không quy y các tà ma ngoại đạo. Cúi mong Tam bảo từ bi nhiếp thọ. Xin thương xót cho con (lễ Tam bảo) thọ Ba quy y xong.

3. *Thỉnh sư*, hễ làm thầy phải có năm đức:

- Kiên trì tịnh giới.
- Đủ mười hạ.
- Khéo hiểu luật tạng.
- Các sư truyền nhau.
- Định tuệ cùng huyền.

Sư phải dạy đệ tử: “Đệ tử ... nay theo Đại đức cầu thọ giới Bồ-tát, Xin đại đức vì con mà không ngại mệt nhọc, xin thương xót con (ba lần).

Kế đến thỉnh Hòa-thượng: “Đệ tử ... kính thỉnh Đức Thích-ca Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác làm Hòa-thượng. Con nương theo Hoà-thượng được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con (lễ một lạy) Văn-thù-sư-lợi làm yết-ma A-Xà-Lê.

Bồ-tát Di-lặc làm thầy Giáo thọ. Tất cả Như lai Ứng chánh Đẳng giác làm tôn chứng. Tất cả Bồ-tát Ma-ha-tát làm bạn lữ đồng học (nói giống như trên) Kế phải dạy xin giới rằng: “Bạch Đại đức! nay đúng là phải thời, xin trao giới Bồ-tát cho con”. Kế là giới sư phải đứng lên bạch Phật, Xướng rằng: “Cúi đầu lễ tất cả Chư Phật trong mười phương và các Bồ-tát tăng khắp quả đất. Các Bồ-tát này xin con là muốn theo các Bồ-tát tăng xin thọ giới Bồ-tát. Các Bồ-tát này đã chân thật tin sâu,

thành tựu nguyện Bồ-đề, cúi xin Chư Phật thương xót bố thí cho giới Bồ-tát (nói 3 lần) Thỉnh sư làm thầy chứng minh xong, Chư Phật mười phương thân thông đạo nhãn đều nghe thấy con nói như đối trước mặt, hướng về Phật sám hối.

4. Sám hối.

Giới là pháp thanh tịnh, thân khí thanh tịnh mới thọ nhân được, nên trước phải sám hối để rửa sạch thân tâm, như giặt y cũ rồi mới nhuộm màu được. Nhưng Như lai thị hiện tịch diệt đã hai ngàn năm rồi, chánh pháp đắm chìm ngọn gió tà thổi rộng, chúng sinh phước mỏng sinh gặp thời này, dù có nghe cũng không tin nhận, bởi vì hoặc chướng sâu nặng, kiến chấp bền chắc, nếu không sửa đổi thì tội từ xưa đến nay không nhờ đâu mà diệt. Nếu tội không diệt thì giới không thể phát, nên khó mong giải thoát. Nhưng pháp sám hối có ba phẩm:

Thượng phẩm sám: Là gieo mình xuống đất như núi lớn sụp lở, lỗ chân lông ra máu.

Trung phẩm sám: Tự trình bày lỗi đã phạm, khóc lóc rơi lệ.

Hạ phẩm sám: Theo thầy trình bày tội cũ. Nay xin Chư Phật, các Bồ-tát làm người chứng minh. Các Đức Phật, các Bồ-tát đại bi thế nguyện rộng lớn, muốn khiến cho chúng sinh bằng như Phật không khác. Nhưng người tu hành ba nghiệp thanh tịnh mới được đắc giới. Như thỉnh nhà vua trước phải trang nghiêm nhà cửa, cũng như nước sông đục thì mặt trời không hiện. Chư Phật Ba đời đều nhờ giới này mà được Bồ-đề, nên trước phải vận mười tâm thuận nghịch làm căn bản sám hối. Sư phải dạy rằng: Đệ tử ... cùng chúng sinh trong pháp giới cúi đầu đánh lễ mười phương tận hư không giới, tất cả Tam bảo, Phật Thích-ca Mâu-ni, đương lai Di-lặc, mười hai phần giáo biển chân như Tạng, các Đại Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn chứng minh đệ tử cố tâm sám hối. Từ vô thủy đến nay buông lung thân, miệng, ý. Trong chấp nhân ngã, ngoài thêm bạn ác, gây ra mười việc ác, năm tội nghịch, bốn tội trọng, hủy báng chính pháp tội Nhất-xiển-đê, giết hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng. (Khi Phật còn tại thế riêng hành năm pháp Bồ-tát yết ma) làm thân Phật ra máu, phá hoại hòa hợp tăng, thiêu đốt kinh tượng. Bốn oai nghi của thân tổn thương hàm thức. Trộm vật của Tam bảo và tiền của các cõi khác. Điên đảo tà dâm, ô nhiễm phạm hạnh, mê hoặc Tam bảo, dối trá ăn uống máu thịt không có lòng từ bi thương xót, hoặc ăn năm thứ rau cay nồng, xông lên hôi hám ngôi Tam bảo. Uống rượu say sưa phá hoại pháp lành. Xâm phạm tăng, cướp vật đánh mắng quở trách người xuất gia, tại gia giữ, giới phá giới, hoặ cướp đoạt cà-sa, bắt

buộc hoàn tục, hách dịch xua đuổi. Hoặc cắt đứt mạng sống, không tùy hỷ một việc lành nhỏ nào của người. Chỉ tạo nhiều tội lỗi khắp ba nghiệp. Việc tuy không thiện ác nhưng tâm trái khắp. Ngày đêm nói nhau không xem hổ, che kín tội lỗi không muốn người biết. Lỗ-Hổ-Đề-Đột không sợ đường ác, không biết hổ thẹn, bác không có nhân quả, thành Nhất-xiển-đề, cho nên ngày nay đối với Chư Phật mười phương, từ đó ông trở thành tin sâu nhân quả, sinh tâm hổ thẹn, sinh tâm sợ hãi. Phát lộ sám hối, dứt tâm nói nhau, phát tâm Bồ-đề, bỏ ác làm lành. Siêng năng sách tấn ba nghiệp, đổi lỗi nặng ngày xưa, tùy hỷ phạm thánh dù một chút việc lành. Nhớ nghĩ Phật mười phương có phước tuệ sống lớn. Biết tất cả pháp bản tánh vắng lặng, cứu vớt tất cả chúng sinh từ biển hai sinh tử đặt lên bờ ba đức. Cúi xin Tam bảo từ bi chứng minh (1 lần). Sám hối xong thân khí thanh tịnh kham nhận pháp thực.

5. *Phát tâm.* Nói phát tâm là phát tâm Bồ-đề. Bồ-đề là âm tiếng phạn, Hán dịch là Đạo, Đạo tâm nói chung nay y theo viên Phật phát viên đạo tâm. Viên đạo tâm là tâm ta, tâm Phật và tâm chúng sinh, ba tâm không khác nhau. Lý tuy không khác nhưng Sự chứng ngàn thứ khác nhau, (583) nên học từ bi của Phật, phát thệ nguyện rộng lớn của Phật, dứt ác làm lành, công phu chỉ có Bồ-đề. Như gân sư tử dùng làm dây đàn thì nghe khắp tất cả, sinh ra các điều lành. Như Na-la-diên bắn tên suốt núi Thiết Vi dứt khắp các điều ác. Nên Kinh Mật Tạng nói rằng: “Diệt mười điều ác phát quyền đạo tâm, rốt ráo không dư. Hướng chi phát viên tâm sau cùng của các thứ phát. Không phát mà phát khắp pháp giới gọi là viên phát.

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ là độ chúng sinh trong mười cõi.

Phiền não vô số thệ nguyện dứt, dứt ba hoặc trong mười cõi.

Pháp môn vô tận thệ nguyện biết, dứt hoặc thành trí.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành, ngay nơi sinh thành diệt.

Bốn tâm này hạt giống Chư Phật nối tiếp giai vị Tam bảo. Tất cả Chư Phật v.v..... chứng ba thân đều do đây.

1) Sau khi phát tâm rồi cho đến Niết-bàn thệ không lui sụt. Còn Bồ-tát phải phát bốn tâm như sau:

1. Quán chúng sinh như Phật.
2. Như nhà vua.
3. Như cha mẹ.
4. Như đại chúng.

Các thầy có phát được tâm này không? (Đáp: mô Phật. Phát

được.)

6. *Đã phát tâm. Kế đến hỏi về tướng già nạn*, Tướng tức ba nhóm, già là bảy già, nói ba nhóm, “Kinh Anh Lạc” nói: Nhiếp luật nghi giới tức mười Ba-la-mật dứt ác. “Giới Nhiếp Thiện Pháp” nghĩa là tám mươi bốn ngàn pháp môn hành điều lành. “Giới Nhiều Ích hữu tình nghĩa là Từ bi hỷ xả lợi lạc hữu tình, đã biết giới tướng lại phát đạo tâm, sám trừ tội lỗi mới được thọ giới. Nếu có bảy già không ở thọ hạn sám cũng không diệt. Nay ta hỏi ông hãy đúng như sự thật mà trả lời:

1. Ông có làm thân Phật chảy máu hay không? (Đáp: không).
2. Ông có giết cha không?
3. Ông có giết mẹ không?
4. Có giết Hòa-thượng, không?
5. Có giết Xà-lê không?
6. Có phá yết ma chuyển pháp luân tăng không?
7. Có giết bậc Thánh không? (chứng bốn quả, đều đáp không?)

Nếu không có bảy già này thì được thọ giới, khởi tâm sâu nặng chuyên chú lắng nghe đừng sinh duyên khác. Nay khi đắc giới phải hết lòng kính ngưỡng đối với thầy- Như đồ chứa vật, nguyên vẹn không tư tưởng nào khác, đã hỏi về tướng già.

7. Thọ giới.

Các ông lắng nghe! Nay ông cầu xin tôi trao cho tất cả tịnh giới Bồ-tát. Cầu thọ tất cả học xứ Bồ-tát, gọi là giới Nhiếp luật nghi, giới Nhiếp thiện pháp, giới Nhiều Ích hữu tình. Các tịnh giới này, các học xứ này quá khứ tất cả Bồ-tát đã thọ, đã hiểu, đã thực hành. Vị lai tất cả Bồ-tát sẽ thọ, sẽ hiểu, sẽ hành, sẽ thành. Hiện tất cả Bồ-tát đang thọ, đang học, đang hiểu, đang hành đương lai thành Phật. Các ông từ thân này cho đến tận đời vị lai, khoảng giữa không được phạm, có hành trì được không? (3 lần hỏi, 3 lần đáp).

Khi lần thứ nhất xong thì các thế giới mười phương, giới pháp mẫu nhiệm rót vào thân tâm các ông.

Khi lần thứ hai cùng khắp giới pháp mẫu nhiệm này đầy khắp hư không, nhóm họp trên đỉnh. (Kế đến nói lần thứ hai) Lần thứ hai xong lại nói một lần cùng khắp tức vào nhân đẳng thân tâm thanh tịnh đầy đủ. Đừng lo nghĩ điều gì khác. Nhưng giới pháp này không có hình sắc rót vào thân tâm các vị không hay không biết có các hình sắc giống như một tiếng trời long đất lở. (Kế đến nói lần thứ hai).

Ba lần yết-ma xong đầy đủ giới pháp thì thành Bồ-tát, Đại Kinh nói rằng phát tâm rốt ráo cả hai không khác. Như thế hai thứ tâm trước

tâm nạn v.v.. Đã đắc giới rồi.

8. *Tướng chứng minh.* Đệ tử chúng con cúi đầu lễ tất cả các Đức Phật các vị đại Bồ-tát mười phương tận hư không khắp pháp giới. Châu Thiệm Bộ ở thế giới Ta-bà này, nhân chủ, địa đại, đường quốc, châu, huyện, chùa, Tăng-già-lam, tượng Phật trước có nhiều Phật tử. Nay đối với tôi đã thọ giới Bồ-tát xong. Tôi đã chứng minh, cúi xin Chư Phật, Chư đại Bồ-tát từ bi chứng minh (nói ba lần). Đã chứng minh xong.

9. *Hiện tướng.*

Nếu khi Thượng phẩm tâm thọ giới thì trước các Phật mười phương có các tướng như: Gió mát, mùi thơm lạ, tiếng lạ, ánh sáng. Bồ-tát bạch Phật: Vì sao có các tướng này. Phật kia đáp rằng: “Tướng này hiện khắp nơi có nhiều chúng Bồ-tát”. Đối với vị sư đã ba lần nói Bồ-tát xong. Nay xin chứng minh nên có hiện tướng này, các vị Bồ-tát kia đều sinh tâm vui mừng đều nói. Các chỗ cực ác như thế đầy đủ phiền não. Chúng sinh ác nghiệp có thể phát tâm cực thắng như thế thọ giới Bồ-tát rất là ít có rất sinh tâm thương xót. Các vị đã khởi tâm phạm hạnh bền vững, nên phải hết lòng hộ trì, không tiếc thân mạng, đừng để hủy phạm.

10. *Trình bày rộng sự trì phạm giải thích như sau:* Chỉ dạy mười giới trọng. Nếu các Bồ-tát đối với giới sư đã nói ba lần thọ giới Bồ-tát xong rồi, nếu tự mình giết người, xúi kẻ khác giết người thì chẳng phải Bồ-tát chân thật, là Bồ-tát giả danh, không có tâm hổ thẹn, phạm Ba-la-di, quá báo đọa địa ngục bất như ý. Các ông từ thân này cho đến tận đời vị lai, trong thời gian đó không được phạm. Có giữ được không? (Đáp giữ được). Trộm đủ năm tiền, dâm, đại vọng ngữ, bán rượu. Nói dối Bồ-tát, Thanh văn danh đức, bốn chúng. Tự khen công lao của mình, chê bai sự vượt hơn của người khác. Mắng nhiếc người đến xin, tiếm lẫn tài pháp, sân với bậc Thượng, Trung, không chịu sám hối đối với chúng, hủy báng Đại thừa Tam Bảo. Nếu tự mình chê, hoặc dạy người chê bai (câu từ đồng như trước) đã nói về trì phạm.

11. *Dạy phát nguyện rộng.* Trên nói về phát tâm, bốn nguyện chung rộng lớn, thọ luật nghi giới gọi, là khởi hạnh. Nay lại chung riêng phát nguyện lại, hồi nhân hưởng quả, hồi hưởng mình đến người khác, thành đức của Bồ-tát. Đệ tử ... nguyện hồi thí công đức thọ giới cho chúng sinh trong pháp giới. Chưa lìa khổ thì nguyện được lìa khổ, chưa được vui nguyện được vui, chưa phát tâm Bồ-đề, nguyện phát tâm Bồ-đề chưa dứt ác làm lành thì nguyện cho dứt ác làm lành, chưa thành Phật thì nguyện sớm thành Phật. Còn nhờ sám hối thọ giới sinh ra công đức, nguyện xả thân rồi cho tất cả chúng sinh, sinh về thế giới Cực Lạc

của đức Phật A-di-đà. Trước ngộ Vô Sinh nhẫn được thần thông rộng lớn. Đi khắp mười phương kính thờ Chư Phật. Thường nghe chánh pháp đại thừa vô thượng. Chư Phật hạnh nguyện tròn đầy cụ túc. Còn nhờ sám hối thọ giới này sinh ra công đức, nguyện cùng tất cả chúng sinh, từ bỏ thân này rồi lìa khỏi ba thân ác, lìa hẳn thân thấp hèn, lìa hẳn thân không tự tại. Thường ở trong Phật pháp thanh tịnh xuất gia, tu hành phạm hạnh, làm thiện tri thức cho tất cả chúng sinh. Lại nguyện tất cả chúng sinh nghe danh hiệu ta mà phát tâm Bồ-đề. Thấy thân ta mà dứt ác làm lành. Nghe ta nói thì được trí huệ rộng lớn. Biết tâm ta thì sớm được thành Phật. Phát nguyện rồi lễ Tam Bảo, đã phát nguyện xong.

12. Dạy trì tụng giới bản: có giới nào không hiểu thì được thông suốt. Niệm Phật tụng kinh suy nghĩ tu tập, dưới đây sẽ tùy theo giới mà giải thích đầy đủ.

5. Thời đại truyền dịch

Đời Dao Tần, niên hiệu Hoảng Thử thứ ba, có Tam tạng Cưu ma-la thập(Hán dịch là Đồng Thọ), người Ấn độ đến cảng vùng Đạ Hán làm rạng rỡ Đại thừa, sửa truyền bá thánh giáo. Tại vườn Tiêu Dao (hoặc chùa Thảo Đường) truyền dịch hơn 300 bộ kinh luận, hơn 50 bộ. Quyển thượng nói giai vị Bồ-tát, Quyển hạ nói về luật nghi của Bồ-tát. Vừa mới dịch xong, sa-môn Tuệ Dung là người ghi chép, cùng với Đạo Tường và khoảng 800 người theo thọ giới và cùng tụng trì. Nhưng ở Quyển hạ, sau phần kệ tụng có một quyển riêng. Các giới tướng này xuất từ trong phẩm Luật Tạng. Trong kinh Phạm Võng Lô-xá-na là vua Diệu Hải và ngàn người con của vua, trao giới pháp Bồ-tát.

6. Phân biệt:

Hỏi: Giới thể Vô tác chỉ cho tâm thật tướng, duyên theo thể hộ trì, nhân quả Tông thú cũng chỉ là thật tướng, vì sao khác nhau?

Đáp: Thể là Tông của tông giáo, không tức không lìa, như ngôi nhà trống cùng với kèo cột, “không” dụ cho Thể, kèo cột dụ cho Tông. Không tức không lìa có thể thấy, nên biết Thể là tâm năng trì, năng lãnh. Tướng Tông là giới pháp sở trì, sở lãnh.

Hỏi: Niết Bàn năm thiên bảy nhóm đều là Luật Nghi của Bồ-tát. Biệt giáo, vì sao nói giới Bồ-tát này Bồ-tát Biệt Viên đồng nắm thọ.

Đáp: Bồ-tát Biệt giáo tu theo hành Bồ. Bốn giáo pháp đều là hành học, nên Niết-bàn thứ lớp ngũ hành, làm khuôn phép cho hàng Biệt giáo, mới phát tâm chán đời đi xuất gia, bạch bốn lần yết-ma,

trước vâng lãnh luật nghi của Tạng giáo, Thông giáo; Ngăn cấm ba nghiệp, nên trước hết nói năm thiên bảy nhóm cho đến mười giới năm chi, gọi là giới Thánh hạnh. Há chẳng phải là mười giới trọng, 48 giới khinh hay sao? Nên biết hai nghĩa này là tạng Tỳ-ni của Bồ-tát Thông, Biệt, Viên.

Hỏi: Như vậy giáo lợi căn xếp vào Biệt, Viên, thì có phần của luật nghi này không?

Đáp: Y cứ vào đương giáo độn căn, chưa lãnh thọ giới của Phật tánh đồng y theo luật nghi Ba tạng, lợi căn được tiếp nhập Biệt Viên gọi là hàng Biệt, Viên. Hoặc có nghĩa tiếp nhận, nên ngoài Bốn giáo lập riêng tên các giai vị.

Hỏi: Thanh văn chế giới ở thân, miệng. Bồ-tát chỉ chế giới ở tâm, vì sao Ba tạng, Ba thừa đồng nhân lãnh năm thiên bảy nhóm?

Đáp: Luật Nghi Đại thừa và Tiểu thừa đều chế ba nghiệp, khác với tự hành hóa tha, nên được gọi là Đại thừa, Tiểu thừa.

Tiểu giới nếu không cấm, thì tâm phương tiện tốt đưa vào đâu mà lập. Bồ-tát tuy nói sát na tạo tội đọa vào Vô gián. Nhưng nói sát-na là nhân Vô gián. Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh đều từ thân miệng đủ duyên mà kết, hướng chi ba tạng Bồ-tát là Đại trong Tiểu, đối với phân biệt này đâu không tương ứng.

Hỏi: Như mười giới trước nương vào giới mà Thông lẫn nhau, vì sao lại chọn Biệt?

Đáp: “Chế giáo” đã nói theo cấm ác mà được gọi là giới. “Hóa giáo” đã nói từ tu thiền học tuệ mà đặt tên Thừa, đây chính là Biệt. Nếu cùng thông thì ba việc học giúp nhau như mắt, chân và có thể chuyên chở đến chỗ chung gọi là Thừa. Và dứt được mười việc ác gọi chung là Giới, nay giới Bồ-tát có ba nghĩa chung lẫn nhau. Từ chế chỉ cấm ác là giới, theo chế khởi hạnh thường trụ từ bi là Thừa. Nên mỗi giới nương giới cụ túc. Giới là Pháp thân thừa tức Bát-nhã, Thừa giới từ bi ứng hóa không hai tức là giải thoát. Đức giải thoát Giả quán là nhân, Ứng thân là quả, đức Pháp thân Trung quán là nhân, báo thân là quả. Nên biết các giới ba nhóm dung nhiếp lẫn nhau. Ba quán, ba thân tức nhóm, ba nhóm, ba thân không hơn kém, bốn mươi tám giới khinh, mười giới trọng, giữ tâm tánh bình đẳng đâu có sâu cạn. Giả phân ra hai tên thừa giới, mỗi mỗi đều là thật tướng, mới là giới Bồ-tát viên dung. Nên trong lời tựa nói:” Tất cả sắc tâm là tình, là tâm đều vào trong giới Phật tánh. Lời nói có thể nghiệm được. Không biệt mà biệt, khinh trọng cũng giống như vậy. Dứt ác là chánh văn rộng, khởi quán là lời bên cạnh nói

lược. Phần nhiều theo chánh luật nghi, phòng ngừa ngăn cấm, nghĩa biên của ba nghiệp gọi là giới Bồ-tát.

7. Tỳ việp y văn giải thích: Một phẩm của Phạm Võng Đại Bản, chỉ là chánh thuyết, ở đây chia thành ba đoạn.

1) Từ bài kệ đầu xong, văn xuôi thanh tịnh là tựa.

2) "Phật bảo xong, các Bồ-tát hiện tại đang tụng" là Chánh thuyết.

3) Từ đây trở xuống đến hết quyển là phần Khuyến hóa lưu thông.

- Tựa có hai:

1. Kệ tụng Lô-Xá-Na phát khởi.

2. Đức Thích-ca khuyến phát.

- Văn kinh thứ nhất có bốn giới, ba khuyến:

Bốn giới là:

- Xá-Na.

- Thích-ca

- Bồ-tát

- Chúng sinh.

Ba khuyến là:

- Khuyến thọ

- Khuyến trì

- Khuyến tụng.

Bốn giới này được gọi là lý do, truyền trao Căn bản, được thọ ký thành Phật, cho nên khuyến thọ, thọ rồi phải trì, trì rồi phải tụng, không để hạt giống Phật bị hư thối. Ban đầu 11 hàng rưỡi kệ chia làm ba:

Ba hàng, ba câu nói về Lô-Xá-Na nói giới truyền trao cho Đức Thích-ca

"Bấy giờ ..." ba hàng, ba câu nói về Phật Thích-ca cũng trao cho các Bồ-tát, các Bồ-tát trao cho chúng sinh.

Lắng nghe...đến hết bài kệ là khuyến nên kính tin thọ trì.

Ba tựa này đều do Phật Thích-ca nói, thỉnh thoảng có xen lời của người chép kinh.

- Số chia làm hai:

Hai hàng rưỡi đầu nói về "Bản Tích"

Một hàng một câu nói về người, pháp.

- Số lại chia làm ba:

Nửa hàng nói "bản thân" của Phật Lô-Xá-Na

Một hàng rưỡi nói Đức Thích-ca cũng giáo hóa
Nửa hàng là tổng kết về “Bản Tích”.

Văn kinh ban đầu, câu trên nói về bản thân Phật Lô-xá-na, câu dưới nói bản độ của Phật Lô-xá-na, đây là y báo và chánh báo.

Câu: “Nay ta” là ngã trong bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh. Kinh nói rằng: “Trong pháp vô ngã có chân ngã. Nghĩa là báo thân Như lai trí đoạn đều viên, bốn đức hoàn toàn, nên gọi là Tịnh Mãn. Nêu một mà nhiếp cả ba, nên nói là ” nay ta “. Nhiếp Luận nói: “Báo thân có hai:

Tự thọ dụng báo: nghĩa là xứng pháp giới Thật thành y chánh vô ngại. Chỉ có Phật độc cư Diệu Giác, đồng loại mới thấy nhau.

Tha thọ dụng báo, là Bồ-tát Địa thượng ở cõi Thật Báo hiện thân nói pháp, khiến họ thấy. Báo thân của Tự Tha này hành bố giáo ứng cơ của Tạng Thông. Báo thân và Ứng lấy pháp thân làm gốc. Pháp thân là Phật Tỳ-lô-giá-na, Hán dịch là Biến nhất thiết xứ. Cơ ứng đều tròn đủ, dụ như hư không, không chọn thời xứ. Một và ba giúp nhau, nêu một đủ ba, không co lại, không duỗi ra. Dùng cơ Biệt hiển bày, nên nêu Báo thân và nói chủ bạn, câu dưới nói y báo. “Phương tọa đẳng”: phương là đang. Chánh pháp đặt tại đài Hoa Sen, nên nói là “tọa”. “Hoa sen” là Như lai đã cảm thế giới Hoa Sen. Phần dưới của Hoa Sen là đài, nên gọi là Đài Hoa Sen, nên Kinh Hoa Nghiêm nói:” Hoa nâng mười thế giới, tiêu biểu bằng hai nghĩa:

1. Lô-Xá-Na ở chỗ nhơ uế cũng không nhiễm.

Nhân có công năng cảm quả.

Hoa Sen có bốn loại:

- Hoa sen cõi người: có mười cánh trở lên
- Hoa sen cõi trời: có trăm cánh trở lên
- Hoa sen của Bồ-tát có ngàn cánh trở lên
- Hoa sen của bậc Diệu giác số lượng cánh nhiều bằng pháp giới.

Mỗi cánh dung hợp lẫn nhau có thể nói y báo và chánh báo viên mãn. Còn nói Hoa tạng là có công năng bao trùm pháp giới mười phương. Pháp giới mười phương hiện trong một hạt bụi, dụ như màng lưới của trời Đại phạm nhiều lớp vô tận. Tiêu biểu cho không dọc, không ngang, không thể nghĩ bàn, nên gọi là Hoa tạng. “Châu tráp” v.v... là nói Phật Thích-ca cũng giáo hóa trong một ngàn trăm ức cõi nước Thích-ca thì ngàn Thích-ca là “Bản”, ngàn trăm ức là “Tích”, thành hai lớp “Bản Tích”. Như Kinh Pháp Hoa nói Tích trong Tích, trong đó lại có ba:

1. Bản trong Tích.

2. Tích trong Bản

3. Bản và tích đều thành Phật đạo.

Ban đầu nói trên ngàn cánh hoa đó hiện ra ngàn Phật Thích-ca. Một cánh hoa, một Đức Phật ngàn thế giới Đại Thiên nên có ngàn Tịnh Độ Phật. Đây tức là Nhị trụ: nói về phân thân.

1. Sơ Trụ phân thân trong trăm thế giới Phật.

2. Nhị Trụ gấp mười lần hơn. Theo Hoa Nghiêm, Nhị Trụ đã nói nhiều về nghĩa riêng. Nên ở trong Nhị Trụ phân biệt tướng Viên thành. Vị sau thân độ không thể lường. Kế là nói Tích trong Tích, câu đầu nêu một hoa một Phật sinh trăm ức cõi nước. “Quốc” là tên của một Tứ Thiên hạ nên gọi Tam thiên đại thiên thế giới, Tiểu thiên có có một ngàn Tứ thiên hạ, Trung thiên có ngàn ngàn, ngàn ngàn tức là mười ức. Đại thiên gấp ngàn lần, tức có muôn ức Tứ Thiên hạ. Kinh nói Bách ức tức Tiểu số muôn muôn ức, ức có trăm trăm. Đại số của trăm trăm là trăm. Nên nói “Trăm ức”. Ở muôn ức nước của chân thiện-bộ ở phía nam đều có một Đức Thích-ca. Nên nói một nước một Phật Thích-ca là muôn ức châu Bồ-đề ở phía Nam, dưới cây một Thích-ca cùng một hoa một Thích-ca đồng thời thành Phật. Ngàn Phật thế giới chung có ngàn muôn ức Đức Thích-ca cùng ngàn Đức Thích-ca phát ra ánh sáng soi chiếu lẫn nhau. Đài hoa gọi là Xá-na, lá hoa gọi là Thích-ca. Thích-ca là bạn, Xá-na là chủ, Chủ bạn tương quan, thọ chức Pháp Vương, đồng thời thành Phật, nên gọi là các tòa.

3. “Như thế”... là kết. Một. Kết Tích thân. Hai. Kết bản thân, nói một ngàn Thích-ca và ngàn trăm ức Thích-ca, đều lấy Lô-Xá-Na làm gốc, nên nói “như thị đẳng”.

“Trăm ngàn ức...” nói nhân pháp, trong đó có hai: 1. Người, 2. Pháp.

Câu đầu có ba:

1. Nói về chủ năng hóa.

2. Nói về căn cơ được hóa

3. Nói về năng hóa, sở hóa đều đến chỗ Phật.

Ngã sở tức là Phật Lô-Xá-Na. “Thính ngã” v.v.... đứng về pháp có hai:

Câu bảo hãy lắng nghe: giới này là pháp của chư Phật mười phương ba đời, chỉ được xưng tụng chứ không được nói. “Môn cam lộ” là thuốc bất tử của các vị trời thí như giới này được đến lý bốn đức của Niết-bàn. Gia môn cam lộ gọi là môn cam lộ. Môn này dùng năng thông làm nghĩa, giáo là lý năng thông.

“Thị thời”... Thích-ca Thích Phật truyền trao cho Bồ-tát, Bồ-tát trao cho các chúng sinh. Trong đó có ba nghĩa:

1. Người dịch kinh gia trình bày duyên truyền thọ của Đức Thích-ca.

Nói về Thích-ca truyền thọ cho các Bồ-tát.

2. Khuyên Bồ-tát trao cho chúng sinh.

Câu đầu có ba nghĩa:

- Xuất xứ từ vài giới tương nặng, nhẹ.

- “Giới như trở xuống là” khen công dụng của giới.

- “Vi trần trở xuống là” Khuyên Bồ-tát thọ trì.

Ba câu trình bày ngàn trăm ức mỗi vị đều trở lại bản vị. Hai câu kế: Trình bày tụng giới bản. Nghĩa là giới pháp này Chư Phật đã dạy: Nên nói là giới Bản sư.

Khen ngợi giới dùng trong luật nghi giới có thể hoàn toàn chấm dứt điều ác của ba hoặc, như mặt trời, mặt trăng xua tan bóng tối. Giới thiệ pháp giới có thể tu điều lành đầy đủ của ba quán. như mặt trời, mặt trăng chiếu sáng. Làm lợi hữu tình giới, chỉ quán gồm đủ, có công năng trang nghiêm pháp thân. Như chuỗi anh lạc, cho nên kinh nói: “Già, trẻ, trung niên mặc đều đẹp.”

3. Khuyên Bồ-tát thọ trì, có 2 nghĩa:

1. Hai câu nêu chung công năng.

2. Hai câu chánh khuyên.

Hai câu. “Lắng nghe...” khuyên tin thọ trì, chia làm ba:

a) Nói pháp sở tụng.

b) “Đại chúng” trở xuống là khuyên tin thọ trì.

c) Đại chúng trở xuống là kết khuyên.

“Giới tạng” giới này phần nhiều gồm ba nhóm muôn điều lành nên gọi là Tạng. Biệt biệt giải thoát từ quả vị gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Mộc xoa là giải thoát, kia đây âm khác, kể là khuyên người tin nhận là ba:

1) Khuyên tin.

*2) “Tất cả trở xuống là ...” khuyên thọ, “Nhiếp” tức thọ.

*3) “Chúng sinh vị”... giải thích nghĩa kết khuyên.

Câu “Liên nhập Phật vị” là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Y theo tánh phát tâm thọ ba nhóm giới. Bẩm thọ giới pháp của Phật gọi là nhập Phật vị, nên Đại kinh nói rằng: “Học Đại thừa tuy là mặt thịt nhưng gọi là mắt Phật. Hai câu đầu dùng đồng phương tiện vị. Hai câu kế nói đồng chứng Chân vị. Phật vị gọi chung có chân có tự. Ban đầu từ

danh từ quán hạnh tương tự, trong một niệm chứng được pháp thân bản, ban đầu và sau là phần chứng Đại giác, gọi là chân Phật tử. “Bấy giờ trở xuống là thứ hai”...

Tựa Thích-ca chia làm hai:

- Người chép kinh trình bày.

- Đức Thích-ca tự nói

1. Người chép kinh trình bày có ba ý:

a. Phật muốn kết giới

b. Phát ra ánh sáng nói lên điều lành.

c. Đại chúng xin nghe.

Câu đầu lại chia làm bốn:

Nêu thời, nêu hóa chủ. “Bấy giờ là” Đang lúc đó. Nghĩa là Tích Phật từ Bản Phật Xá-na trao giới lúc đó. “Thích-ca” là họ, Hán dịch là Năng nhân, “Mâu-ni” là tên dịch âm, dịch nghĩa là Tịch Mặc. Thân, miệng, ý thanh tịnh nên được gọi tên như vậy.

Mới ngồi trở xuống là nêu xứ, tức cây Bồ-đề, cũng gọi là Đạo thọ. Dưới gốc cây thành đạo. Đạo và Bồ-đề, kia đây âm khác. Tại nước Ma Kiệt Đà, dưới cây này có tòa Kim cương, ngàn Đức Phật ở Hiền kiếp đều ngồi dưới tòa này mà được đạo Bồ-đề. Nay Đức Thích-ca chủ bạn tích thị hiện mới chứng, nên nói “Mới ngồi, thành Vô Thượng giác.

Nơi đắc đạo, nghĩa là hội Hoa Nghiêm thị hiện mới thành là Đại căn tánh kết giới Bồ-tát. Nên Kinh Hoa Nghiêm nói: “ Ở Bồ-đề tràng mới thành Chánh giác. Phẩm Danh hiệu nói: “ Lô-Xá-na tích tên Thích-ca Mâu-ni, hàng Tiểu cơ thấy mới thành ở vườn Nai, sau mới do việc đặt ra năm thiên bảy tụ. Thích-ca tên đồng, mới thành thấy khác.” Nay giải thích khác với kia”, văn nói rằng: “Mới kết Ba-la-đề-mộc-xoa cho Bồ-tát.

“Mới kết trở xuống là nêu ra...” rút chõ kết pháp sơ kết, trong đó có bốn ý:

1. Nêu tên gọi:

2. “Hiếu thuận”... nói về thành tựu nhân cao quý.

3. “Hiếu thuận chí đạo...” nói về thành tựu quả cao quý.

4. “Hiếu danh...” kết luận tên khác.

1. ”sơ kết”. luận Thập Địa nói: Sau khi Phật thành đạo 14 ngày, kể là nói về hiếu thuận. Hiếu nghĩa là dốc lòng cúng dường. Thuận nghĩa là vâng mạng. Theo người để hiếu thuận lược nêu ba cảnh:

1. Ân cha mẹ sinh dục.

2. Ân sư tăng dạy dỗ.

3. Ân Tam bảo.

1. *Cha mẹ quá khứ, hiện tại đã sinh ra ta, nuôi dưỡng ta.* Chúng sinh luân hồi trong sáu đường đều là cha mẹ, nghĩa này sinh khởi vô duyên từ bi, cực thành kính dưỡng khiến phát đạo tâm, cứu khổ ban vui.

2. *Ân sư tăng:* Hòa-thượng, A-Xà-Lê đều gọi là 2 Sư tăng. Hòa-thượng dịch là Lực Sinh, đạo lực do vị ấy mà thành. Xà-lê gọi là chánh hạnh, làm chánh hạnh ta. Nên Kinh Thư nói rằng: "Không cha mẹ thì không ai sinh. Không sư trưởng không lấy gì thành. Không quân vương lấy gì làm vinh, đời người ở trong ba yếu tố này."

Nay A-Xà-lê Hoà-thượng dạy giới, định, tuệ. Ba thân do đây mà sinh ra. Dẫn dắt từ đầu đến cuối, ba đức do đây mà thành. Tự hành hóa tha làm rạng rỡ thánh chỉ. Trụ trì Phật nhật gọi là Phổ văn. Nhập vị chứng cùng cực nhờ thầy bạn. Như thế vinh quang khắp pháp giới, thể bằng hư không. Là đồng với đời, vẻ vang cả một nước. Nên biết Sư Tăng có khả năng sinh, có khả năng thành, có khả năng làm vinh hiển, đầy đủ ba việc. Từ chẳng phải duyên lý trì giới, ba tụ làm tâm, dùng pháp cúng dường là hơn hết. Ngoài ra đâu thể báo ân trạch

3. *Tam bảo* là Như lai ba đời tự chứng thường lạc rữ hình xuống mười cõi, xem xét cơ duyên. Nhiều đêm chỉ niệm phá hoặc thọ ký giảng nói năm vị pháp cứu giúp cùng cực vô biên. Mở tám giáo giềng mới làm hạt giống giải thoát thuận thực, lưu thông nhiều kiếp do Bồ-tát tăng, hoặc thật, hoặc quyền. Dùng Đại thừa và Tiểu thừa phụ giúp đấng Pháp Vương. Tượng pháp, Mạt pháp biên phương cảm ngụ di phong, một kinh lọt vào tai ngàn kiếp không mất, hưởng gì nhân lành suy nghĩ tu tập giải thoát. Há chẳng phải năng lực của ngôi Tam bảo, nên phải học hạnh Từ Bi của Phật, hành hạnh Bồ-tát gọi là Hiếu thuận Tam bảo.

Hỏi: Tăng bảo và Sư tăng ở trước khác nhau thế nào?

Đáp: Sư Tăng gọi là Khoáng thể, hạn cuộc ở Ngã sở thừa, Tăng Bảo gọi là Thể, bao gồm cả ba đời, vv...

"Năng thành trong thắng quả, hiếu thuận chỉ đạo, v...v..." nghĩa là thuận theo pháp cực đạo.

"Hội dị danh" nghĩa là thực hành hiếu này tức là thuận theo hiếu, gọi là giữ giới. Nên nói Hiếu gọi là Giới. Giới có công năng chế ngự ba nghiệp, dứt các nghiệp ác, nên cũng gọi là chế chỉ.

"Phật tức"... trở xuống là thứ hai, phát ra ánh sáng tiêu biểu điềm lành. Phật sắp nói giới này thì phát ra ánh sáng là tiêu biểu cảnh giác thường tình nhóm họp lại.

“Bấy giờ”. Từ chúng nhóm họp xin nghe có ba ý:

- a) Nêu chung:
- b) “Các Bồ-tát”... nêu tên gọi..
- c) “Chấp tay”... Tổng kết muốn nghe.

1. Như văn.

Kế là nêu tên Bồ-tát mới phát tâm là đạo tâm chúng sinh.

Các tầng trời cõi sắc.

Sáu tầng trời cõi Dục.

Vua cõi người.

Nói về mười tám cõi trời Phạm là cõi sắc, Bốn thiên gồm có mười tám tầng trời.

- Sơ thiên có ba tầng trời:

- *) Phạm chúng (nghĩa là phạm dân)
- *) Phạm phụ (nghĩa là phạm thân)
- *) Phạm vương (nghĩa là phạm chủ)

- Nhị Thiên có ba tầng trời:

- *) Diệu quang (thân sáng).
- *) Vô Lượng Quang (số lượng ánh sáng nhiều)
- *) Cực Quang (thể sáng khắp)

- Tứ Thiên có chín tầng trời:

*) Vô Vân (hạ địa có mây, trên đất không mây, nên gọi là Vô Vân)

*) Thiên sinh (có phước lành vãng sinh)

*) Quảng quả.

*) Vô Tướng (Tu vô tâm định để sinh lên cõi trời kia, nên gọi là trời Ngoại Đạo)

- Năm tầng trời Tịnh Cư, lia dục phiền hoặc, gọi là Tịnh, nơi tịnh thân dừng ở gọi là Cư:

*) Vô Phiền (Sơ Thiên lia phiền, nên gọi là Vô phiền)

*) Vô Nhiệt (lia sự nóng bức ở hạ địa nên không có phiền não)

*) Thiện hiện (Quả đức dễ hiển)

*) Thiện Kiến (tạm thấy trong sáng)

- Năm tầng trời sắc cứu cánh cõi sắc, cũng gọi Đại Tự Tại (Năm thứ thanh tịnh cùng cực). Chánh lý luận sơ nói rằng: “Qua cõi trời Tịnh cư có cõi trời tên là Đại Tự Tại. Bồ-tát Sơ địa hóa độ ở đó”

- Sáu tầng trời cõi Dục là:

*) Trời Tứ Thiên Vương.

*) Trời Đạo-Lợi (cũng gọi là tầng trời 33).

- *) Trời Dạ-ma (Đây gọi là Thời phần)
- *) Trời Đâu-Suất-Đà (Hán dịch là Tri Túc)
- *) Trời Hóa Lạc
- *) Trời Tha Hóa Tự Tại.

- Mười sáu vị đại quốc vương:

1. Ưng-già
2. Ma-kiệt
3. Ca-Thi
4. Ni-tát-la
5. Bạt-Kỳ
6. Mạt-La
7. Chi-Đề
8. Bạt-Sa
9. Lâu-Cư
10. Bàn-Xà
11. A-thấp-Bà
12. Bà-tha
13. Tô-la-Bà
14. Càn-Đà-la
15. Kiếm-tĩnh-Sa
16. A-lê-Đề

Các nước ở Ấn- độ rất nhiều nhưng lược nếu công năng mười sáu nước lớn như trên.

Hỏi: Các kinh nhóm chúng hoặc có người đến mà không bàn luận việc này vì sao?

Đáp: Nghe pháp do “thừa gấp”, trời người giúp giới giúp. Thừa giới đều gấp dùng thân trời người gặp Phật nghe pháp. “Thừa gấp giới hoãn” là thân cõi khác gặp Phật nghe pháp. “Giới gấp thừa hoãn” tuy sinh lên cõi trời, cõi người nhưng không thấy Phật, không nghe pháp. “Thừa giới đều hoãn” quả báo sinh cõi khác, không được nghe Phật pháp. Thừa có Đại thừa, Tiểu thừa tin pháp khác nhau. Giới có ba phẩm thọ báo có hơn kém, nên khiến các kinh nói đồng, người nghe nhiều ít khác nhau v..v..”Chấp tay là...” thứ tư, khi tổng kết thì chúng muốn được nghe được thấy. “Phật bảo...” là Đức Thích-ca nói, văn kinh chia làm ba:

- *) Tự tụng.
- *) Giải thích phát ra ánh sáng.
- *) Khuyên thọ học.

Ba điều này đều có hai nghĩa:

Câu đầu có hai ý:

*) Nêu tự tụng. “Các vị trở xuống thứ hai là ...”

*) Khuyến hóa, nói tất cả phát tâm là nêu chung Bạc địa.

Phát viên tâm lãnh thọ giới này thì phải tụng trì. Ban đầu của ngoại phạm, trong giai vị danh tự. Nên nói tất cả phát tâm. Vượt qua ngoại phạm, năm phẩm đệ tử, và Thập Tín vị vượt qua các vị, nên nói “Cho đến”. Thập Trụ mới nghe lý mầu nên nói là Phát thú. Kế đến vào mười hạnh tu thêm gốc lành nên gọi là Trưởng dưỡng. Giai vị Thập Hồi hướng tu thêm Thiện căn gọi là Kim cương. Sau tâm Kim cương càng thù thắng nên gọi là Thập địa. Từ chân vị không nói là Thập Tín, nay sơ lược kể tên để biết các vị Viên thừa từ đầu đến cuối. Nói Thập Tín là trong mười tâm lấy tin làm căn bản, nên gọi là Thập Tín.

1. Tín
2. Niệm
3. Tấn
4. Tuệ
5. Định.
6. Bất thối.
7. Hồi hướng.
8. Hộ pháp.
9. Giới.
10. Nguyện.

Bắt đầu từ danh tự, năm phẩm ngoại phạm đều có mười. Ba hoặc hoàn toàn chưa được mười tên. Mười tâm này mỗi tâm đều có mười, nên Kinh Anh Lạc chép: ” Một Tín có mười, mười Tín có trăm trăm pháp làm gốc. Nên mỗi vị đều nói mười, cho đến Diệu Giác khác tên nhưng nghĩa đồng. Mười pháp đều đại chuyển gọi là Mười đại, tức là mỗi vị dùng mười pháp thành một Bồ-tát Viên giáo Đại Thừa. Đây tức là nghĩa đại xa của Kinh Pháp Hoa.

Cao lớn ví như lý mâu của Đức Phật, tánh là cảnh không thể nghĩ bàn, tức nhập “Tín tâm”.

Giương màn lòng như lòng từ vô duyên cứu khổ ban vui, tức nhập vào “Niệm tâm”.

Đặt gối son, như chấm dứt ác hạnh thiện, an tâm định tuệ tức nhập vào “Tấn tâm”.

Chạy nhanh như gió, ví như trí huệ minh đạt, phá hết ba hoặc, tức nhập vào Tuệ tâm.

Chiếc đòn ngoài xe như biết trì phạm, thông bát, tức nhập vào định tâm.

Trâu trắng lớn ví như điều hòa chánh ngữ, chánh kiến trong 37 phẩm trợ đạo, tức nhập vào tâm bất thối.

Nhiều tội tứ theo, ví như khởi thệ nguyện cứu giúp mở ra, tức nhập vào tâm Hồi hướng.

Di khắp bốn phương, như biết thứ vị Thập Phát thú, tức nhập vào tâm Hộ phát.

Tự tại vô ngại như An nhẫn ngoài phạm, trái với danh lợi, tức nhập vào giới tâm.

Thăng đến đạo tràng như lia Thập Tín pháp ái khiến đến Phát thú, tức nhập vào Nguyện tâm. Một Tín có mười Tín, một pháp có mười pháp. Một tín như vậy thì chín tâm kia phải y theo đây mà biết. Kế là nói trong giai vị Thập Trụ. Thập Phát thú tâm y theo Kinh Phạm Võng mà nêu tên.

Xả, nghĩa là ba nhân khai phát, chứng lý bình đẳng, tức là quán cảnh không nghĩ bàn.

Khởi Đại từ bi trì ba nhóm giới

Nhẫn tức Xảo an chỉ quán, tự lợi lợi tha

Tấn tức Pháp pháp biến.

Định tức là Biết thông bát.

Tuệ tức Đạo phẩm điều hòa.

Nguyện tức Đối trị, giúp khai mở đều do nguyện lực

Hộ pháp tức Thức, thứ lớp khiến pháp không xen lạm

Hỷ tức An nhẫn, trái thuận do pháp giới hỷ.

Đảnh tức là lia Trung Đạo pháp ái ở trên đảnh chín tâm.

Trong mười hạnh vị, Thập Trưởng dưỡng là Từ bi hỷ xả, thí lời nói tốt đẹp, lợi ích đồng đều và định tuệ khéo quán cảnh mâu, vào Vô duyên từ. Phát hoằng thệ vô tác, nhập tâm Đại bi. Khéo léo an tâm mà xứng pháp giới hỷ gọi là hỷ tâm. Duyên tánh pháp pháp ba hoặc đều đối tên là Xả tâm. Đối với các việc Khổ Tập, v.v..... đạt Đạo Diệt v.v.... lý gọi là thức thông bát, tức nhập vào Thí tâm. Đạo phẩm Vô tác khéo có thể điều đình chánh ngữ nghiệp, mệnh danh tâm hảo ngữ, dùng điều lành trợ giúp Viên gọi là tâm lợi ích. Tám là biết thứ vị bất đồng mà đồng. Viên lý không hai gọi là đồng tâm. An nhẫn trái với thuận gọi là định Lăng-nghiêm, không dính mắc pháp ái gọi là Trung Đạo tuệ- Thập Hồi hướng vị là Thập Kim cương:

1. Tín

2. Niệm
3. Hồi hương
4. Đạt
5. Tròn đầy, thẳng suốt.
6. Bất thối
7. Đại thừa
8. Vô tướng
9. Tuệ
10. Bất hoại

Viên trí quán cảnh gọi là Tín tâm, vững chắc từ bi gọi là Niệm tâm. Pháp giới gọi là Hồi hương, viên thể Ba hoặc gọi là Đạt tâm, đối với tâm được thông gọi là tâm viên trực. Đạo phẩm thú hưởng về trước gọi là tâm Bất thối. Chánh trợ hợp hạnh đều là Ma-ha-diễn gọi là Tâm Đại Thừa. Duyên lý phân biệt vị gọi là tâm Vô tướng. Vững chắc an nhẫn gọi là Tuệ Tâm. Pháp ái vô trước gọi là Tâm Bất Hoại.

“Thập địa” có mười địa:

Thể tánh bình đẳng địa, Cảnh trí không hai.

Thể tánh thiện tuệ địa: Duyên lý phát tâm.

Thể tánh quang minh địa, khéo dùng chỉ quán nên gọi là Quang Minh.

Thể tánh nhĩ diệm địa. Viên phá pháp khắp hết như thiêu đốt.

Thể tánh tuệ chiếu địa: khéo biết được thông bát.

Thể tánh hoa quang địa: Đạo phẩm Trong nhân gọi là Hoa Quang.

Thể tánh mãn túc địa: Chánh trợ không quan hệ.

Thể tánh Phật không địa. Quyết định phân biệt thư lớp không xen lạp.

Thể tánh Hoa Nghiêm địa, an nhẫn trái thuận, thân tâm trang nghiêm đẹp đẽ như tô điểm hoa lên.

Thể tánh nhập Phật cảnh giới địa: lìa chân pháp ái tâm hơn một lần chuyển nhập đẳng giác, Diệu giác gọi là cảnh giới Phật. Nên Phật có mười pháp mà được đại danh:

1. Quán cảnh giới không nghĩ bàn là lý Đại.
2. Phát tâm từ bi gọi là Thệ nguyện đại.
3. Xảo an định tuệ gọi là Trang nghiêm đại.
4. Phá pháp biến gọi là Trí đoạn đại.
5. Thức thông bát gọi là Biến Tri đại.
6. Đạo phẩm đều hóa gọi là Đạo đại.

7. Đối trị giúp khai gọi là Dụng đại.
8. Biết thứ vị gọi là Quyền thật đại.
9. Năng định nhần gọi là Lợi ích đại.
10. Vô pháp ái gọi là Vô trụ đại.

Nên biết Viên thừa mười pháp trước sau tự tha đầy đủ. Ngự xa đạt đến còn gọi là Xa. Cho nên các vị Bồ-tát đều tụng.

Hỏi: Ở trên đã giải thích mười pháp đối danh khác nhau là sao?

Đáp: Một pháp có đủ mười pháp, các pháp dung hòa lẫn nhau, tùy nghĩa chuyển thích, không được chấp nhất định.

Hỏi: Hoa Nghiêm Kinh nói rằng: “Bồ-tát Sơ trụ được pháp thân bản, Phân thân trăm cõi giống như Phật. Lợi sinh các vị, công đức đầy đủ, vị hậu hậu đầu có lý do phải không?”

Đáp: Nói cụ tức là phần cụ tức. Như đèn soi bóng tối. Tối nhiều đèn nhiều, một ngọn đèn tuy sáng đầu tối được hậu hậu, Cho nên phát ra ánh sáng. Có hai nghĩa:

Nêu thẳng.

“Có duyên...” nêu ra tướng nhân duyên:

*) Nói về giới quang là giới có công năng phá hoặc, nên thanh quang làm đại biểu.

*) Văn chia làm hai: - Khen thể đức.

- Nêu tông thú.

1. Người hữu duyên tức Thánh ứng, cơ ứng tương quan, cho đến giới quang duyên lý mà tụng. Thật lý vô tác nên chẳng phải thanh. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: “Biết pháp thường vô tánh, hạt giống Phật từ duyên khởi, cho nên nói Nhất thừa. Giới thể vô tận nên nói quang quang. Giới thể này phạm thánh như một, nên khuyên đại chúng thọ trì, tụng học.

Hỏi: Như trên đã giải thích giới thể là thật tướng tâm. Nay nói là bi tâm làm sao đồng được?

Đáp: Tâm thật tướng không đồng với ngu ngơ si nên nói là phi sắc. Bất đồng thọ v.v... là vọng tình phân biệt nên nói là phi tâm. Bất đồng với hữu trong sáu đường. Bất đồng với “không” của Nhị thừa. Lẽ ra nên gọi là Phi nhân phi quả. Từ mê để phân biệt khác, cho nên nói là phi, theo ngộ bản đồng tâm đều như thế. Không tức không là vi diệu ở trong đó. Diệu tâm thật tướng cả hai chẳng phải tất cả cho là giới thể, Song chiếu tất cả gọi là Tông gọi là Dụng, v.v.. “Kế đến các Phật tử...” nêu trong Tông thú. Câu “các Phật tử”. Chư Phật nêu chân nhân cực quả của Bồ-tát, tức từ Sơ trụ trở lên, Đăng giác trở xuống. Đại chúng,

bao gồm cả nội phạm lẫn ngoại phạm. Lược nêu ba việc này. Tu và cực phân, phân ra định tuệ mà thành lập do giới làm gốc. Gốc từ đầu đến cuối là Tông thứ.

2. “Cho nên ...” là khuyên học, chia làm hai:

Khuyên thọ trì tụng học. “Phật tử” v.v..... trở xuống

Giải thích nêu ra ý khuyên.

Một. Thọ là thọ giới, ba nghiệp lãnh nạp gọi là Thọ. Thuận thọ phòng hộ gọi là “Trì”, nhìn văn xướng lên gọi là Đọc, không nhìn văn đọc thuộc lòng gọi là Tụng, tu tập nghĩa lý gọi là Học.

Hai. Văn trước khuyên nghe giới. Như người thọ xếp hàng thọ. Nêu một nhiếp nhiều nên chỉ nói Thọ. Đây đủ phải nói nếu thọ trì đọc tụng, khéo học giới Phật. Nước nhỏ thì gọi là bang, nước lớn gọi là Quốc.

3. Dương đều nêu đạo Tượng Càn, thành ba:

Năng tam sơ là, Tam tài là thiên, địa, nhân. Dùng một quán ba gọi là quốc vương, Vua sinh ra nên gọi là Vương tử. “Bá quan” là nêu chung toàn số các quan, nên gọi là Bá. Như nói Bá tánh, tức chẳng phải trăm người mà thôi. “Tể tướng” là phụ vua luận đạo kinh vĩ, quốc sự hợp lý âm dương. Tướng của tể chủ nên gọi là Tể tướng. Tỳ-kheo, Hán dịch là Càn sự nam, Tỳ-kheo ni Hán dịch là Càn sự nữ. Từ nhỏ vào lớn. Hai chúng cần thông, vô sắc vô thân chỉ xếp vào sắc dục, chẳng phải trước sau cùng loại gọi là thứ dân. Dân là người, sinh bằng năm loại hoàng gia chưởng môn, gọi là Hoàng môn, nam nữ cõi Dục chung có tham dâm. Ở đây nêu tối đa cho đến mua bán dâm nam nữ, ngày xưa vì phạm tội mà thân thuộc về người để làm kẻ sai khiến, gọi là tội tố. Tám bộ là:

1. Trời.
2. Rồng
3. Dạ-xoa
4. Càn-Thất-Bà
5. A-tu-la
6. Ca-lâu-la
7. Khẩn-Na-la
8. Ma-hầu-la-già

Ma-hầu-la-già trên đầu có sừng, ngoài ra đều giống với người. Phi nhân trong đường quý, biến thân thông gọi là Thần. Loài trung hạ gọi là quý, loài thiện thần Kim cương Mật Tích gọi là Thần Kim cương. Tuy là Bồ-tát Đại quyền thị hiện làm cũng phải dẫn thật thọ ba nhóm

tịnh giới. Các trời rồng hiện thân làm người thọ giới Bồ-tát, gọi là người biến hóa. Súc sinh lợi căn hiểu được tiếng người cũng được thọ giới. Các loại còn nhiều lược kể ra như trên, nên nói “cho đến”. Giới là nhân phục đoạn nên nói đệ nhất thanh tịnh (văn tựa đã xong).

Từ câu: “Phật bảo ...” là phần chánh thuyết chia làm hai:

1/ Mười giới trọng, 2/ Là bốn mươi tám giới khinh.

- Ban đầu có ba:

1) Nêu số khuyên trì.

2) Giải thích riêng.

3) Kết khuyên.

- Câu đầu chia làm bốn:

1) Nêu số

2) “Như thọ...” là “Nếu thọ”

khuyên tụng giới: Không tụng giới có sự tổn hại đối với lòng từ bi hoằng thệ, chẳng phải Bồ-tát. Thân miệng lìa văn biết được tâm sơ giả. Suy nghĩ tu Phật tánh giác ngộ trái tình, chỉ duyên theo sáu đường làm hư hoại, nên nói chẳng phải hạt giống Phật. Ta cũng như thế là nêu quả khuyên nhân này.

3). Tất cả, v.v..trở xuống là nêu khuyên học.

4). Kết khuyên trì

II. GIẢI THÍCH RIÊNG:

“Mười trọng” là mười giới trọng.

1. Giới giết hại người, Bồ-tát lấy muôn hạnh từ bi làm căn bản, xem chúng sinh như cha mẹ, Luân hồi sáu đường không biết nhau. Nên văn sau nói: Mà giết mà ăn là giết cha mẹ ta, rất thương tổn lòng từ bi, nên Phật đặt ra giới này trước hết. Đã nói giết là cắt đứt mạng sống kia, từ thức ban đầu nường gá nhưng đối với già chết làm cắt đứt mạng sống tương tục của người kia đều gọi là sát, duyên chung có hai:

a) Lãnh thọ luật Nghi của Bồ-tát

b) Trụ tự tánh không điên cuồng.

Chung các giới này nên gọi là duyên chung. Sau đây không nói lại nữa. Duyên riêng có bốn:

- Người.

- Tưởng là người.

- Có tâm sát hại.

- Cắt đứt mạng sống liền phạm.

Thiếu duyên kết tội nhẹ, trong mỗi giới không đủ ba ý.

- Đặt ra dứt ác.
- Đặt ra làm lành
- Nêu lỗi kết phạm.

Văn đầu chia làm ba:

- Nêu người xếp vào việc sát.
- “Nhân trở xuống là ” xếp thành nghiệp sát.
- “Cho đến trở xuống là” Nêu khinh so sánh với trọng.

(588) 1. “Nếu Phật tử” là từ chỉ chung, nghĩa là phát tâm Bồ-đề thọ giới Bồ-tát. Theo Phật pháp gọi tên chung là Phật tử. “Nếu tự sát”. Xếp vào việc ác có năm câu khác nhau.

2. Tự giết có 2:

- Tự giết.
- Giết người.

Tự giết có ba nghĩa:

- a. Tâm ác tự giết.
- b. Nhàm chán thân tự giết.

Trái Thánh giáo đều kết tội khinh, nên kinh nói: “Nói thân vô thường, không nói nhàm chán thân.

Sống vì đạo quên thân cứu chúng sinh, như Bồ-tát Vương Tử, nên vẫn sau nói xả bỏ mạng mình thì được phước, không phạm.

Mình giết người khác, đủ duyên thì phạm tội Ba-la-di. Kế đến xúi giục người giết, xúi dục người khác giết kẻ khác khiến kẻ kia chưa chết mà người đối diện chết cũng phạm tội nặng. Vì sao giới vô tận nên bất đồng tiểu thừa thuận phương tiện, vẫn nói qua đời giới kết tội phương tiện hợp nhau.

- Phương tiện khen ngợi giết, có năm cách:

- a. Thấy người khác giết khen ngợi đức của họ.
- b. Khen ngợi người nãng giết.
- c. Khen ngợi cách giết.

Như trong luật nói rằng dùng việc ác này để nuôi sống là tương đương với phương tiện khen ngợi giết.

d. Thấy giết vui theo, là đối với đã giết mà vui theo, hoặc thấy, hoặc nghe đều vui theo.

e. Cho đến chú sát.

Tướng sát còn có nhiều loại như: đao gậy, hầm hố, thuốc độc. Chú sát ít có nên bỏ qua nhiều thứ, chỉ dùng “ cho đến”, Như trì chú trở khiến cho người chết. Kế là kể ra bốn câu trong thành nghiệp sát khác nhau. Tự có tâm giết làm nhân, đao gậy v.v.... làm duyên. Tạo đường

phương tiện làm Pháp, lấy việc giết làm mục đích gọi là Nghiệp

3. Nêu khinh so sánh với trọng nên nói cho đến có mạng sống. Nên biết trừ người ngoài ra đều phạm tội nhẹ. Văn dưới tuy không có điều riêng nghĩa chỉ suy ra phải như vậy. Như cấm mùa Xuân, mùa Hạ không được đốt lửa, không hộ sinh cây cỏ, và che chở sự tổn thương sinh mạng loài vật, chỉ kết tội nhẹ. Kế là Bồ-tát này Chế ra tu thiện, ” Thường trụ tâm từ bi” là lòng từ vô duyên, tương xứng với lý, thể đồng thật tướng pháp giới nên gọi là Thường trụ

“Nếu trái lại trở xuống...” là nêu lỗi kết tội, phạm “B a - l a - đ i , Hán dịch là Tha thắng xứ.

Duyên lý trì giới chiêu cảm quả thánh gọi là “Phật sự”, tức là Tự thắng xứ. Hủy giới cấm đọa địa ngục gọi là việc ma, tức là Tha thắng xứ.

2. Giới không cho mà lấy. Phi lý xâm đoạt, mất mạng tổn đạo, không có tâm nhân từ. Điều này, người thật đức chưa tránh khỏi, nên Phật đặt ra giới này, phạm tội có đủ bốn duyên:

- Trộm vật có chủ trị giá năm tiền trở lên. Nếu trộm vật của mình không thành tội nặng.

- Tưởng có chủ

- Có tâm trộm cắp.

- Lấy lìa chỗ cũ liền phạm tội nặng, thiếu duyên phạm tội nhẹ, vẫn cũng chia làm ba:

1. Chế khiến dứt ác.

2. “Mà Bồ-tát” trở xuống là chế khiến hành thiện.

3. Mà trái lại trở xuống là nêu lỗi kết phạm, vẫn chia làm ba:

1. Nêu tên xếp vào việc trộm.

2. Xếp thành nghiệp trộm.

3. Cho đến trở xuống là nêu khinh so sánh với trọng.

Câu đầu nói tự trộm cắp vật của người đáng giá năm tiền trở lên. Xúi người trộm cắp, dù không nhuận thân tổn cảnh hễ quá sâu thì kết tội nặng. Phương tiện trộm cắp, hoặc gửi gắm, hoặc vì dối chác, dùng ngấn đối dài, dùng thô đối tế. Chỉ có tâm trộm cắp năm tiền trở lên đều kết tội nặng. Chú thuật lấy vật gọi là chú đạo. Kế là nói nhân trộm cắp là tự tâm làm Nhân, bên ngoài trợ giúp là Duyên. Ra công đào đường là cách thức trộm cắp. Thường nghĩ đến việc ăn trộm làm mục đích gọi là Nghiệp

Nêu khinh so sánh với trọng. Quỷ thần làm chủ không ném thể.

Từ vật cướp được tâm này chưa dứt.

Một cây kim, một ngọn cỏ, giá năm tiền trở xuống, đều phạm tội nhẹ. Nên nêu để so sánh. Kế là chế khiến hành thiện. Phật tánh v.v..... là duyên với lý Phật tánh, thuận với giáo pháp Phật. Đồng thể từ bi lấy đó làm gốc, giúp thành tùy hỷ, tất cả người khiến sinh an vui phước đức trí tuệ, nên nói “phải sinh, v.v.v...”.

Là nêu lỗi kết phạm như văn.

3. Giới thực hành phi phạm hạnh.

Luận Đại Trí Độ nói:” Dâm dục tuy không nào hại tâm chúng sinh, nhưng ràng buộc tâm chúng sinh. Tình riêng buông lung nhân quả luân hồi. Trôi nổi đắm chìm theo sông ái, lăn theo năm đường đều do đây. Nên Phật đặt ra giới trọng này, kết thành tội phạm đủ bốn duyên

1. Là Nam nữ hữu tình.

2. Có tâm dâm.

3. Cùng phương tiện

4. Hợp với cảnh liên phạm.

- Thiếu duyên phạm tội nhẹ, văn đầu cũng chia làm ba:

1. Việc đã phạm.

2. Thành nghiệp

- “Cho đến..” là gồm cả người nữ, là so sánh.

1. Tự dâm như xương sống mềm cũng phạm tội nặng.

2. Tự dâm người khác đủ duyên phạm tội nặng.

Dạy người dâm thân không vui, chỉ mắc tội nhẹ đồng với Thanh văn. Tất cả người nữ v.v..... trừ người mê cuồng. Kế là nói về nhân duyên: Tâm nhiễm tư duy là ‘Nhân’, tà tưởng tô điếm là” Duyên”. Phép tắc uy nghi là “cách thức”, niệm niệm thành tựu việc trước là “Nghiệp”.

3. Phi nhân nữ v.v.... là quỷ thần nữ. Rõ ràng trong tâm mình xin người kia hiện thân làm việc phi phạm hạnh, và hai nam hai nữ gọi là phi đạo, đều mắc tội nặng. Ngoài ra kết tội nhẹ. Mà “Bồ-tát” trở xuống là chế khiến hành thiện “Nói Tịnh pháp” là khởi Phật tánh quán thể là ba hoặc. Tự hành hóa tha nên nói tịnh pháp cho người.

3. Trong nêu lỗi kết phạm nói “sáu thân “ là sáu loại sau đây:

- Người thân của cha, gọi là ông nội bà nội và cô chú.

- Người thân của mẹ là dì, cậu

- Người thân của mình là cha mẹ, anh em và vợ con.

- Người thân của vợ là em vợ chị vợ

- Người thân của nam nữ là rể
 - Người thân của anh em là dậu
- Ở đây có hai nghĩa:

1. Tâm nhiễm đối với người đó tức sinh tâm nhiễm với tất cả người không kể sáu thân, nên nói là trái lại khởi. Khởi tức là sinh.

2. Tự mình đối với tất cả khởi phi phạm hạnh, không kể sáu thân, các cảnh sáu thân làm nhân khởi ác đối với người, nên nói “lại sinh ra tất cả”. Đây tức là pháp uế khiến người khác khởi uế. Trái với pháp tịnh ở trên khiến người dứt ác nên gọi là “lại sửa”. Mà kết lỗi.

4. Giới Đại Vọng Ngữ, chưa được nói được lừa thánh đối phàm, hoặc đồng thế tục mà vờ lấy danh lợi nên mắc tội nặng, đủ năm duyên:

- Là chúng sinh
- Tưởng là chúng sinh
- Khởi tâm lừa dối
- Nói có pháp hơn người
- Người đối diện nghe hiểu thì phạm.

Thiếu duyên kết tội nhẹ, văn chia làm ba:

- Nói tên chế khiến dứt ác
- Chế khiến làm lành.
- Nói lỗi kết phạm.

Văn đầu cũng chia làm ba:

- Phạm việc
- Thành nghiệp
- Nói khinh so sánh với trọng

1. Tự mình nói dối: Như nói được bốn quả Bát nhân kiến địa trở lên, cho đến sáu căn thanh tịnh, Sơ Trụ trở lên, theo thứ lớp mắc tội nặng, như nói được các phương tiện vị, như ngũ đỉnh niệm xứ, Noãn, Đảnh, nhãn Thế độ Nhất, còn Tuệ địa, là pháp phạm, chỉ phạm tội nhẹ.

2. Dạy người. Dạy người nói được pháp thánh, danh lợi thuộc người, chỉ phạm tội nhẹ. Nếu dạy người nói mình là thánh thì phạm tội nặng. Phương tiện nói dối là mượn phá việc khác khiến họ sinh hiểu là bậc Thánh. Như nói nay tôi không nhập vào định sơ địa nên phương tiện nói. Kế văn nói trong tâm nổi điên cuồng là Nhân, ngoài mong danh lợi là Duyên. Khéo lập phương tiện là Cách thức, thường ôm ấp làm việc này là Nghiệp.

Cho đến trở xuống là nêu khinh so sánh với trọng, tức tiểu vọng ngữ. Như nói ai được Bất tịnh quán ở trong chúng khởi, gọi là thân nói dối. Nói thầm không nghe gọi là Thân nói dối. Nói rõ không trả lời gọi là Tâm nói dối. Không nói được quả thánh đều kết tội nhẹ. Kế là trong việc dạy làm việc lành. “chánh ngữ chánh kiến” là lấy tâm Trung đạo như việc như tưởng biết nói thấy. Tự hành khuyến tha nên nói thường sinh và cũng sinh.

3. Nêu tội kết phạm. Không phải chánh nên gọi là Tà, chung với giới nói dối của Đại, Tiểu thừa. Nay từ Đại vọng đại tà cho nên kết phạm.

5. Giới bán rượu. “Cô” là mua bán, “rượu” là thuốc say mê muội. Uống rượu có ba mươi sáu lỗi, là cửa ngõ buông lung, cho nên xếp vào tội nặng. Có bốn duyên thành phạm tội:

- 1) Thật là rượu.
- 2) Nghĩ là rượu
- 3) Có ý buôn bán
- 4) Trao rượu cho người thì phạm.

Thiếu duyên thì phạm tội nhẹ. Văn kinh chia làm ba:

Nêu tên, ngăn khiến dứt ác.

Ngăn khiến làm lành.

Nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu chia làm ba:

- 1) việc phạm
- 2) Thành nghiệp
- 3) Nêu khinh so sánh với trọng.

Tự mua bán nên biết. “Dạy người” Dạy người bán dùm mình thì phạm tội nặng, dạy người tự bán thì phạm tội khinh.

Thành nghiệp. Tự mình kinh doanh, gạo, bún là Nhân, ngoài dụng cụ đo lường là Duyên, điều đình phương tiện gọi là Cách thức, thường làm việc mua bán là Nghiệp.

Tất cả trở xuống là nêu khinh so sánh trọng. Ngũ cốc, cây cỏ hòa hợp thành, chẳng phải thật là bún gạo. Nhưng tương tự với rượu thì mắc tội nhẹ, còn không được mua bán, huống chi thật là rượu ư?

“Mà Bồ-tát” trở xuống là ngăn khiến hành thiện, nói đạt tuệ là Thật tướng Bát-nhã

3. Mà trái lại v.v..... trở xuống là nêu lỗi kết phạm, nên biết.

6. Giới Rao Lỗi Bốn Chúng.

Bồ-tát vận chuyển hoài bảo rộng lớn che chở giữ gìn ngôi Tam bảo ác dương thiện, vì sao lại nói lỗi bôi lọ tín tâm, trái hạnh lợi tha, cho nên Phật đặt ra giới này, kết thành tội nặng đủ bảy duyên:

1. Nói là của Bồ-tát, Thanh văn danh đức bậc thượng trong bốn chúng thì phạm tội nặng. Trung.

2. Nghĩ là tướng các ngài

3. Dùng tâm ác nói lỗi

4. Đối với người ngoài

5. Nghĩ là người ngoài

6. Nói rõ ràng

7. Người đối diện nghe hiểu thì phạm.

- Thiếu duyên phạm tội nhẹ. Văn cũng chia ba:

1. Nêu danh, ngăn khiến dứt ác.

2. “Mà Bồ-tát trở xuống là ngăn” khiến hành thiện

3. “Mà Bồ-tát trở xuống là” nêu lỗi kết phạm.

Câu một có hai ý:

1. Nói việc phạm.

2. Thành nghiệp.

1. Tự nói dạy người nói đều kết tội nặng. Cảnh tổn là đồng nên Kinh Thập Luân nói:” Hoa chiêm-bạc dù héo vẫn hơn các loài hoa khác. Các Tỳ-kheo phá giới vẫn hơn các ngoại đạo. Nên Kinh Anh Lạc nói:” Có phạm gọi là Bồ-tát, không phạm là ngoại đạo. Cho nên dù phạm cũng không thể khinh. Kế đến nội tâm là Nhân, nói về cảnh tội kia là Duyên. Lập bày khuôn phép là Cách thức. Mục đích nói người là Nghiệp. Kế là ngăn khiến hành thiện, nói ngoại đạo là trừ bảy nhóm ra đều gọi là Ngoại đạo. Ngoại đạo tức là người ác. Người ác Nhị thừa chán khổ Tập đế mà tu đạo Diệt, chỉ ra khỏi sinh tử gọi là Thanh văn thừa. Quán mười hai nhân duyên hoặc nghịch hoặc thuận, ý cầu thoát khổ. Tâm lợi tha kém gọi là Duyên giác thừa. Tâm này ác gọi là người ác. Không tin Đại thừa nói phi pháp luật, phải rơi vào khổ. Nên khiến bi tâm nói Đại sinh tín. Bi có công năng nhổ gốc khổ.

3. Kết như văn.

7. Giới tự khen mình chê người.

Tự khen mình đức hạnh hơn người, rất tổn hại chúngsinh, nên Phật chế giới trọng. Kết thành tội phạm đủ có năm duyên:

1. Là cảnh thọ giới có đức đồng với duyên ban đầu.

2. Nghĩ là người đó.
3. Đủ cả khen chê.
4. Tâm ác khen chê đối với người.
5. Người đối diện nghe hiểu thì phạm
 - Thiếu duyên phạm tội nhẹ, vẫn cũng chia làm ba:
 1. Nêu danh, ngăn khiến dứt ác.
 2. Ngăn khiến làm lành.
 3. Nêu lỗi kết phạm.
 - Câu đầu chia làm hai:
 - Tự làm, xúi người làm đều mắc tội nặng.

Thành nghiệp, trong tâm tham mạn là Nhân, ganh ghét người khác làm lợi là Duyên, lập phương tiện khéo léo là Cách thức, lấy đây làm mục đích gọi là Nghiệp. “Mà Bồ-tát” trở xuống là ngăn khiến làm lành.

3. Nếu tự v.v.... trở xuống là kết phạm, như văn.

8. Giới Tiếc Lẫn lại Chê Bai.

Bồ-tát nhiếp chúng sinh là đầu muôn hạnh, há lại tiếc lẫn lại hủy nhục hay sao? Nên Phật đặt ra giới này, đủ sáu duyên thành phạm.

1. Cảnh thưởng và trung
2. Tự có tài pháp
3. Có hai tướng
4. Thêm nhiều tâm ác, hủy nhục đánh mắng
5. Người đối diện nghe hiểu.
6. Khiến người khác không trở lại thì phạm.
 - Thiếu duyên phạm tội nhẹ, vẫn chia làm ba:
 1. Nêu danh, ngăn khiến dứt ác.
 2. Ngăn khiến làm lành.
 3. Nêu lỗi kết phạm.
 - Câu đầu chia làm hai:

Tự mình tiếc lẫn không dạy cho người, đầy đủ duyên trên mới kết thành tội nặng.

Trong thành nghiệp, tâm tiếc lẫn là Nhân, tài pháp là Duyên, giữ gìn kín đáo là Cách thức, mục đích tiếc lẫn là Nghiệp. “Mà Bồ-tát” là ngăn khiến hành nghiệp, thiếu tài pháp đều là nghèo. Ta tu hành chưa sâu làm sao bỏ được. Tùy theo tâm nói lời lành an ủi, xin lỗi thì không phạm.

- “Mà Bồ-tát” v.v..... trở xuống là nêu lỗi kết phạm. Câu kệ là câu

nêu có thể y cứ một ít phần kệ giải thích toàn nghĩa trong giáo, như “thân Diệu sắc của Như lai, nhấn đến “cho nên con quy y”, là khen ngợi ba thân Phật đầy đủ. Một pháp vi trần là nêu một lời nói lành để so sánh.

9. Giới Tâm Sân Không Nhận Lời Sám hối:

Bồ-tát lấy nhẫn nhục làm hoài bão, mà lại giận dữ chứa nhóm trong tâm, làm tổn thương lòng từ của đạo, cướp lấy công đức của mình không gì hơn giận dữ. Nay sinh giận nhỏ mà làm oán lớn, nên Phật đặt ra giới này tội nặng, đủ sáu duyên thì thành phạm:

1. Đối cảnh Thượng, Trung.

2. Nghĩ là đối tượng

3. Tâm sân không dứt

Người đối diện sám hối

Biểu thị không thọ tướng.

Người đối diện hiểu rõ thì phạm.

Thiếu duyên phạm tội nhẹ, vẫn cũng có ba:

1. Nêu danh, ngăn khiến dứt ác

2. Ngăn khiến làm lành.

3. Nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu có hai ý:

a) Phạm việc tự sân, dạy người khác, đủ duyên đều phạm tội nặng.

b) Thành nghiệp.

Trong tâm là Nhân, cảnh trước mắt làm Duyên, kết nhóm nghi quỹ là Cách thức. Lấy sân làm mục đích gọi là Nghiệp. “Mà Bồ-tát” v.v..... trở xuống là ngăn khiến làm lành. Như vẫn có ba: “mà trái lại” v.v... trở xuống là nêu lỗi kết phạm, “cho đến ” đối với phi chúng sinh nghĩa là sân vô tình. Như người tâm giận dữ đánh đập tôi tớ, cho đến dùng cây, đá, chân tay đánh đập chúng sinh. Đây là nêu tội nhẹ để so sánh. Dùng lời ác, chánh thức kết tội.

10. Giới giúp Hủy Báng Tam Bảo. Thắng đức đáng quý gọi là Bảo. Phi lý nhiều phiền nhiễu nên gọi là Báng. Thành tội phạm có đủ sáu duyên:

1. Đối chúng trợ giúp chê bai.

2. Là nhất thể Đại thừa và Biệt tướng Tam bảo

3. Sinh hai ý nghĩ trên

4. Có tâm chê bai, hủy báng.
 5. Nói lời rõ ràng
 6. Người đối diện hiểu rõ thì phạm.
- Thiếu duyên phạm tội nhẹ. Văn cũng chia làm ba:

1. Nêu danh, khiến dứt ác.
2. Khiến làm lành.

“Huống là miệng v...v... trở xuống là” nêu lỗi kết phạm, văn có hai ý:

Tự chê bai, xúi người chê bai đều kết tội nặng_
Thành nghiệp.

Nội tâm Nhân. Tà kiến làm Duyên, khéo léo lập giả làm cách thức. Tâm này là pháp vụ gọi là Nghiệp. Mà Bồ-tát v.v... trở xuống là ngăn khiến làm lành. “ Trung ngôn ngoại đạo là ngoài du tâm viên lý cho đến ngoài ngoài ba tông đều gọi là ngoại đạo”. Nói chê bai Phật thường phải nghĩ đến đau đớn, nên dụ như mâu đâm. Mâu là binh khí dài hai trượng dùng để lập binh xa.

- Kết phạm như văn. “Khéo học”, v.v... trở xuống,

Thứ 3 là kết khuyến, có ba:

1. Nêu pháp được giữ.
2. Khuyến răn.
3. Chỉ rộng ba câu, văn đều có hai:

- Câu văn đầu.

Nêu chung người.

Khéo học là từ khen đẹp. Kế là “ Bồ-tát”... Trở xuống là nêu pháp trong nhân nói quả nên nói Mộc-xoa, Mộc-xoa là giải thoát.

Kế “ là phải nên, v.v..... trở xuống là” khuyến răn, có hai:

Khuyến học trì.

Nếu có v.v... trở xuống nêu lỗi hiển trì.

(590) Câu đầu nói “vi trần” như thế tục nói: Thần đối với nước không có chút công lao nào”. Kinh Niết-bàn nói: “Như giữ phao nổi, một lỗi nhỏ như hạt bụi cũng không phạm. Đây là nêu chỗ cực nhỏ để làm tình huống. Kế là nêu phạm tội, có hai quả báo:

1. Hiện tại mất mười lợi thứ lợi ích.
2. Quả báo trong ba đường.

Câu văn đầu trái với thế nguyện rộng lớn căn bản, không hối không thất tâm Bồ-đề dứt, nên nói không được phát tâm Bồ-đề hiện tiền. Quốc vương Lật Tấn và vua Chuyển luân do giới làm Nhân. Nhân mất thì quả không có, nên nói là “diệt thất”. Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni đã

mất giới thi quả báo vào ba đường ác, đâu được làm người chứng thứ lớp, nên nói cũng mất Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. “Mười phát thứ” là dụ cho mất thứ vị. Trước là nhân Phật tánh thường trụ, “diệu quả” là quả Diệu giác. Phật tánh thường trụ hằng ở trước sau. Nay đối với giai vị cùng cực cho là Phật tánh thường trụ gia quả, nên nói Diệu Quả- Cũng như Nhân vương không biết Đẳng giác. Kế là đọa vào ba đường ác. Hủy giới cấm khác nhau nên quả báo vào ba đường ác, không được nghe pháp, không được nghe tên cha mẹ là người có ân sâu nuôi dưỡng, cũng không được Tam bảo cứu giúp. “Kiếp” là thời gian, thành Trụ Hoại Không đều có hai mươi lần tăng giảm. Một lần tăng giảm là một Tiểu kiếp, hai mươi lần tăng giảm là một Trung kiếp. Tám mươi lần tăng giảm là một đại kiếp,..v..v.. “ Vì các lý do đó ...” là kết luận. “ Đẳng” là chỉ cho rộng.

2/. Khuyên học và chỉ ra Quảng bản.

Quảng Bản của kinh này có Phẩm Bát vạn oai nghi.

